



Sức Sống Mỗi Ngày



20
21

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN



420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh



(84 28) 3553 3999 - 3553 3888



(8428) 3553 3939



www.vissan.com.vn

VỮNG TIN VƯỢT SÓNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ VISSAN

• Thông tin khái quát	12
• Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	20
• Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	30
• Định hướng phát triển	32
• Các rủi ro	34

CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

• Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	80
• Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD	82
• Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	83

CHƯƠNG 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

• Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	38
• Tổ chức và nhân sự	40
• Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	52
• Tình hình tài chính	54
• Cơ cấu cổ đông	58
• Báo cáo phát triển bền vững	60

CHƯƠNG 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

• Hội đồng quản trị	86
• Ban kiểm soát	92
• Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD	94

CHƯƠNG 3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

• Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	68
• Tình hình tài chính	70
• Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	72
• Kế hoạch phát triển trong tương lai	75

CHƯƠNG 6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

• Bảng cân đối kế toán	110
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	112
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	113
• Thuyết minh báo cáo tài chính	114

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



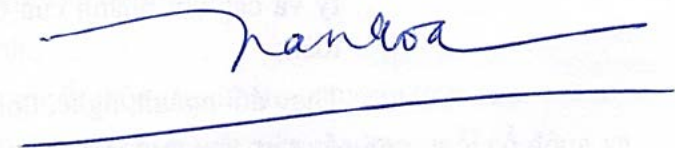
Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng và đối tác!

Được thành lập vào năm 1970, trải qua hơn 5 thập kỷ nỗ lực bền bỉ, Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản luôn tự hào là một trong những đơn vị sản xuất, chế biến, phân phối thực phẩm hàng đầu Việt Nam. Với triết lý kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, tôn trọng đạo đức kinh doanh, chúng tôi đã phát triển và cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất.

Năm 2021 vừa khép lại và tiếp tục là một năm đầy khó khăn khi dịch Covid-19 diễn biến rất phức tạp, người dân hạn chế ra đường, giảm tần suất mua sắm, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao, thu nhập của người dân giảm đã kéo theo sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, những con số kết quả hoạt động trong năm của VISSAN ghi dấu nhiều nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động Công ty.

Bằng tâm thế chủ động, Ban lãnh đạo Công ty đã tiên phong đổi mới nhằm chèo lái con thuyền VISSAN vượt sóng lớn giúp Công ty biến “nguy” thành “cơ” trong những giai đoạn khó khăn. Từ đó, Công ty đã thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm cho người lao động. Trong nhiều năm qua, VISSAN đã và đang tập trung xây dựng chiến lược phát triển bền vững theo hướng “Feed – Farm – Food” để kiến tạo một hệ sinh thái khép kín, toàn diện nhằm cung cấp nguồn thực phẩm tươi ngon nhất cho người tiêu dùng, khẳng định giá trị thương hiệu Việt trên thị trường quốc tế.

Tiến trình “vượt sóng” ắt hẳn sẽ còn nhiều thách thức, tuy nhiên, chúng tôi vững tin với đội ngũ nhân viên tài ba của mình, khó khăn thử thách chưa bao giờ và sẽ không bao giờ ngăn được bước tiến của VISSAN trong tương lai. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành cùng VISSAN trong hơn 5 thập kỷ. Tôi mong rằng VISSAN sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong tương lai. Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phúc Khoa



TẦM NHÌN

VISSAN trở thành thương hiệu thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, vươn tầm quốc tế với chuỗi cung ứng khép kín, bền vững và truy xuất nguồn gốc.



SỨ MỆNH

VISSAN cam kết cung cấp nguồn thực phẩm an toàn, chất lượng với giá trị dinh dưỡng cao và tiện lợi nhằm mang đến cuộc sống tốt đẹp hơn, phong phú hơn cho cộng đồng.



1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát 12
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 20
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 30
- Định hướng phát triển 32
- Các rủi ro 34

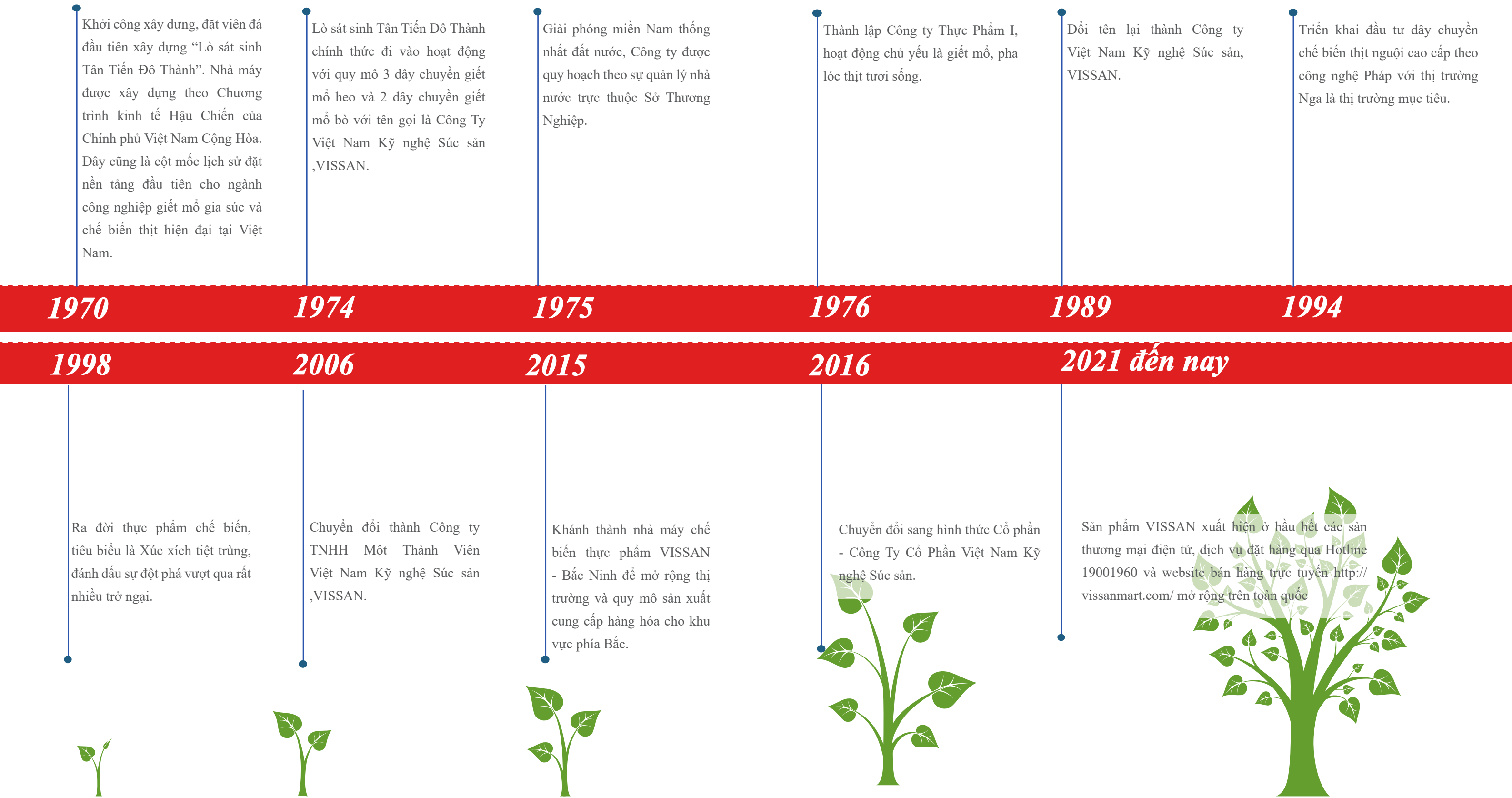


THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
Tên viết tắt	: CÔNG TY VISSAN
Tên Tiếng Anh	: VISSAN JOINT STOCK COMPANY
Mã chứng khoán	: VSN
Vốn điều lệ	: 809.143.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 809.143.000.000 đồng
Trụ sở chính	: 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84 28) 3553 3999 - 3553 3888
Fax	: (8428) 3553 3939
Email	: vissanco@vissan.com.vn
Website	: www.vissan.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 20/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2021



Top 10 Công ty Thực phẩm uy tín năm 2021 Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn.



Thương hiệu Vàng TP.HCM năm 2021 do Ủy ban nhân dân TP.HCM trao tặng



Top 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống do Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn.



Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn.

Top 10 ngành bán lẻ thương hiệu mạnh nhất Việt Nam do Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report bình chọn.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2021 (TT)



Danh hiệu “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích” năm 2021 do Sở Công Thương Hà Nội chứng nhận.



Top 10 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á bình chọn

Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM năm 2021 do Ủy ban nhân dân TP.HCM trao tặng



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, heo thịt, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, buôn bán rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm, tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NỔI BẬT

THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG



» THỊT HEO

VISSAN kinh doanh đầy đủ các chủng loại mặt hàng thịt heo, giúp người tiêu dùng dễ dàng lựa chọn sản phẩm tươi ngon, bảo đảm chất lượng, giá cả phù hợp. VISSAN luôn đưa ra các tiêu chí khắt khe trong quá trình từ chăn nuôi đến giết mổ và phân phối đến người tiêu dùng, cụ thể:

- *Về nguồn nguyên liệu:* Đàn heo được lựa chọn kỹ càng từ trại chăn nuôi riêng của VISSAN và các trang trại liên kết, các trang trại đều được chứng nhận VietGAP, bảo đảm an toàn dịch bệnh... Tất cả nguồn heo thịt được đưa vào giết mổ để cung ứng thịt tươi, làm nguyên liệu chế biến đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, VISSAN đang thực hiện chuỗi cung ứng thịt heo an toàn, hệ thống phân phối đạt chuẩn VietGAP, ứng dụng giải pháp TE - FOOD nhằm truy xuất nguồn gốc từ trang trại đến bàn ăn.
- *Về dây chuyền giết mổ:* Với hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại, được cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy phép giết mổ theo yêu cầu của cơ quan chức năng. Tới thời điểm hiện tại, dây chuyền giết mổ heo của VISSAN được xem là một trong những dây chuyền hiện đại nhất Việt Nam.

- *Về hệ thống kiểm soát:* Quá trình vận chuyển heo sống từ các trại chăn nuôi về Công ty VISSAN luôn có giám sát hành trình; đảm bảo theo các quy định của ngành thú y. Tại Công ty VISSAN, nguyên liệu heo hơi đầu vào được Trại chăn nuôi thú y liên quận Phú Nhuận – Bình Thạnh thuộc Chi cục chăn nuôi và Thú y Thành phố HCM kiểm soát chặt chẽ. Thành phẩm đầu ra sau giết mổ được Ban Quản lý ATTP Thành phố HCM kiểm soát, đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi xuất ra thị trường. Bên cạnh công tác kiểm soát của Trại chăn nuôi thú y liên quận Phú Nhuận – Bình Thạnh và Ban Quản lý ATTP Thành phố HCM, Công ty VISSAN đã trang bị thiết bị đo đạc, phân loại chất lượng heo giúp Công ty chủ động kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu heo hơi đầu vào.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TT)

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NỔI BẬT

THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG

- » **THỊT BÒ**
- VISSAN chủ yếu kinh doanh bò Úc nhập khẩu, đây là sản phẩm thịt bò chất lượng và an toàn cho sức khoẻ với các tiêu chí cao.
- *Về nguồn nguyên liệu:* đàn bò được nhập khẩu từ Úc dưới hình thức bò hơi, sau thời gian kiểm dịch đạt tất cả các tiêu chuẩn vệ sinh thú y sẽ được VISSAN nhập về để giết mổ, cung ứng thịt tươi và nguyên liệu chế biến.
 - *Về dây chuyền giết mổ:* để bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế, dây chuyền của VISSAN phải được hai cơ quan kiểm định độc lập kiểm tra và cấp giấy chứng nhận ESCAS – đây là tiêu chuẩn được Chính phủ Úc đặt ra đối với các cơ sở giết mổ nhằm bảo đảm đối xử nhân đạo với gia súc từ khâu chăn nuôi, vận chuyển, lưu trữ, giết mổ. Toàn bộ quá trình giết mổ bò được giám sát qua hệ thống camera trực tuyến từ Úc. Hiện nay, VISSAN đã được cấp giấy chứng nhận ESCAS. Không chỉ tuân thủ tiêu chuẩn ESCAS, quy trình giết mổ, pha lóc và bảo quản thịt bò luôn được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Chi cục Thú y TP.HCM. Thịt bò được phân phối đến các hệ thống bán lẻ ở nhiệt độ mát nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh tốt nhất, giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm chất lượng nhất.
 - *Về hệ thống kiểm soát:* Bò Úc nhập về Việt Nam luôn được kiểm soát chặt chẽ từ khâu nuôi nhốt đến khi giết mổ bởi Cục Thú y, Trung tâm Thú y TP.HCM và Chi cục Thú y địa phương. Để có thể truy xuất nguồn gốc, bò Úc nhập khẩu còn được kiểm soát bởi thiết bị chip điện tử gắn kèm theo mỗi cá thể bò.



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NỔI BẬT

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

- Hiện VISSAN đã phát triển hơn 300 chủng loại sản phẩm chế biến đa dạng, an toàn cho sức khỏe và phù hợp với cân bằng dinh dưỡng. Công ty đang cung cấp cho thị trường toàn quốc trên 28.000 tấn sản phẩm chế biến mỗi năm.
- Về dây chuyền sản xuất hiện đại và khép kín:
- Hệ thống dây chuyền sản xuất xúc xích tiết trùng với thiết bị, công nghệ nhập khẩu từ Nhật Bản, công suất 10.000 tấn/năm.
 - Hệ thống dây chuyền sản xuất - chế biến đồ hộp, công suất 5.000 tấn/năm với thiết bị và công nghệ của châu Âu.
 - Dây chuyền sản xuất – chế biến thịt nguội nhập từ Pháp và Tây Ban Nha với công suất 5.000 tấn/năm.
 - Nhà máy chế biến thực phẩm đông lạnh theo truyền thống Việt Nam có công suất 5.000 tấn/năm tại TP.HCM.
 - Nhà máy chế biến thực phẩm do Chi nhánh Hà Nội quản lý với công suất 3.000 tấn/năm tại Khu Công Nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- » **NHÓM HÀNG XÚC XÍCH TIẾT TRÙNG**
- VISSAN mang đến đa dạng các nhóm sản phẩm theo nhiều thương hiệu riêng nhằm đa dạng hóa nhu cầu sử dụng cũng như mang đến nhiều trải nghiệm cho người tiêu dùng, gồm xúc xích VISSAN, xúc xích Ba bông mai, xúc xích Dzui Dzui. Với hương vị thơm ngon, an toàn và tiện lợi, dòng sản phẩm xúc xích tiết trùng của VISSAN hiện chiếm thị phần cao và có độ bao phủ rộng khắp các tỉnh thành cả nước. Ngoài ra sản phẩm này còn được phân phối tại các thị trường tiềm năng khác như Lào và Campuchia.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TT)

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NỔI BẬT

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

» NHÓM HÀNG LẠP XƯỞNG

Hiện sản phẩm lap xuong VISSAN Mai Quế Lộ là thương hiệu uy tín và là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng bên cạnh dòng sản phẩm Lap xuong tôm hay Lap xuong tươi truyền thống được ưa chuộng mỗi dịp Lễ Tết.



» NHÓM HÀNG ĐỒ HỘP

Với đa dạng nhiều dòng sản phẩm từ nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau từ heo, bò, gà và cá, đồ hộp VISSAN mang đến bữa ăn giàu dinh dưỡng, sự tiện dụng và tiết kiệm được thời gian chế biến. Bên cạnh đó, sự cải tiến về bao bì lon in đã mang đến diện mạo mới hiện đại và thu hút hơn khi sản phẩm đồ hộp VISSAN đến tay người tiêu dùng.



» NHÓM HÀNG GIÒ CÁC LOẠI

Với thương hiệu lâu năm và được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn, dòng sản phẩm Giò các loại VISSAN với hương vị cổ truyền là món ăn không thể thiếu trong các bữa ăn của gia đình Việt mỗi dịp tết đến xuân về.



» NHÓM HÀNG CHẾ BIẾN ĐÔNG LẠNH

Với danh mục sản phẩm đa dạng và liên tục cải tiến cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, nhóm hàng Chế Biến Đông Lạnh VISSAN mang đến bữa ăn tiện lợi nhiều dinh dưỡng và góp phần làm phong phú bữa ăn cho gia đình Việt.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TT)

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NỔI BẬT

THỰC PHẨM CHẾ BIẾN

» NHÓM HÀNG THỊT NGUỘI

VISSAN mang đến đa dạng chủng loại sản phẩm jambon, thịt xông khói và xúc xích tươi mang hương vị độc đáo từ Châu Âu và được người tiêu dùng yêu thích trong các bữa tiệc bởi hương vị thơm ngon và giá trị dinh dưỡng cao.



» NHÓM HÀNG GIA VỊ

Gia vị là dòng sản phẩm mới nhất mà VISSAN phát triển với sản phẩm đầu tiên là hạt nêm. Bên cạnh đó là các sản phẩm ăn liền khác như chà bông heo, chả giò ăn liền... Các sản phẩm mới được VISSAN nghiên cứu, phát triển với hàm lượng giá trị gia tăng cao, khác biệt với hương vị độc đáo và chất lượng hoàn hảo.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TT)

ĐỊA BÀN KINH DOANH



THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Thương hiệu VISSAN đã hiện diện tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, được phân phối và bày bán tại hầu hết các hệ thống siêu thị trên cả nước, các cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại, chợ truyền thống,... Trong đó có các hệ thống siêu thị lớn nhất Việt Nam như CoopMart, SatraMart, VinMart,...

Đồng thời, sản phẩm VISSAN hiện đã có mặt tại hơn 138 nhà phân phối, 130.000 điểm bán trên kênh truyền thống, hơn 1.000 siêu thị, cửa hàng tiện lợi và hệ thống gần 50 cửa hàng giới thiệu sản phẩm trên toàn quốc.



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ONLINE

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo nên những thay đổi mạnh mẽ, sâu rộng lên mọi phương diện kinh tế - xã hội, phát triển kênh phân phối “online” đã trở thành xu thế tất yếu trong hoạt động phân phối của mọi doanh nghiệp. Không nằm ngoài xu thế, bằng tinh thần đổi mới sáng tạo không ngừng, tiên phong trong mọi hoạt động, VISSAN đã và đang chú trọng phát triển hệ thống phân phối “online” với việc ra mắt dịch vụ đặt hàng qua Hotline 19001960, Fanpage, mở gian hàng thực phẩm trên sàn thương mại điện tử và chính thức ra mắt website bán hàng trực tuyến <http://vissanmart.com/>.



THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Không chỉ phục vụ thị trường nội địa, sản phẩm của VISSAN đã và đang từng bước chinh phục quốc tế với những bước đi vững chắc: Xuất khẩu các sản phẩm chế biến đông lạnh, sản phẩm chế biến truyền thống, sản phẩm chế biến từ thịt... sang thị trường Bắc Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Đức, Nga, Lào, Campuchia,...

63 TỈNH THÀNH

50 CỬA HÀNG

138 NHÀ PHÂN PHỐI

130.000+ ĐIỂM BÁN HÀNG



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị công ty gồm: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với bề dày lịch sử uy tín hơn 5 thập kỷ, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN hướng đến.

Với định hướng, tiếp cận thị trường bằng chất lượng và an toàn, Công ty luôn không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty. VISSAN đã và đang nỗ lực kiến tạo nên một hệ sinh thái 3F (Feed – Farm – Food) hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất.

Bên cạnh đó, VISSAN luôn hướng đến những giá trị bền vững. Cố gắng bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Công ty với cán bộ nhân viên, cộng đồng xã hội và môi trường thiên nhiên.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

HOÀN THIỆN HỆ SINH THÁI 3F

Tầm nhìn chiến lược xuyên suốt của VISSAN là kiến tạo một hệ sinh thái nông nghiệp hoàn chỉnh, để từ những trang trại của VISSAN, mỗi sản phẩm chất lượng nhất sẽ được trao tận tay đến người tiêu dùng một cách trọn vẹn nhất

VUN ĐẮP THƯƠNG HIỆU VIỆT

Với bề dày lịch sử uy tín 50 năm, thương hiệu VISSAN cùng hình ảnh 3 bông mai vàng khoe sắc đã trở thành biểu tượng, niềm tự hào và tài sản vô giá của Công ty. Do đó, việc gìn giữ và vun đắp thương hiệu VISSAN phải luôn là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm của mỗi con người VISSAN.

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU

VISSAN luôn nỗ lực đem đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất, tươi ngon nhất, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn hàng đầu như VietGAP, GlobalGAP, ESCAS, HACCP...



ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHÔNG NGỪNG

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi căn bản, sâu sắc mọi phương diện kinh tế, xã hội. Áp lực cạnh tranh theo đó cũng trở nên mạnh mẽ, gay gắt hơn, đòi hỏi VISSAN phải không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động, từ đầu tư phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới với hàm lượng giá trị gia tăng cao cho đến duy trì, phát triển nền tảng vận hành, phương thức quản trị hiệu quả, tiên tiến.



PHÁT TRIỂN VỚI TÂM NHÌN BỀN VỮNG

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình truyền thông, tăng cường quảng bá thương hiệu VISSAN thông qua các đài truyền hình, đài phát thanh, báo chí,... Nhằm xây dựng niềm tin và duy trì lòng trung thành thương hiệu đối với người tiêu dùng.

Chú trọng đến hoạt động khảo sát, nghiên cứu thị trường nhằm nắm bắt tình hình đối thủ cạnh tranh, mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với các sản phẩm mới, ... phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



VỮNG VÀNG TRƯỚC MỌI THỬ THÁCH

Nền kinh tế toàn cầu luôn biến động, rủi ro luôn thường trực nhưng mặt khác cơ hội cũng luôn hiện hữu đòi hỏi VISSAN không những phải quản trị rủi ro mà còn phải nắm rõ nội lực của chính mình để thích nghi với từng hoàn cảnh, từng điều kiện cụ thể. Khi thị trường thuận lợi, VISSAN sẽ tận dụng cơ hội, phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh để gia tăng hiệu quả kinh doanh. Ngược lại, khi thị trường khó khăn, VISSAN sẽ thận trọng tối đa trong mọi quyết định để bảo đảm sự tồn tại và phát triển của Công ty



CỦNG CỐ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối là yếu tố sống còn, quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, đặc biệt trong ngành thực phẩm. Ý thức sâu sắc điều đó, VISSAN luôn chú trọng xây dựng, phát triển, tối ưu hoá và đa dạng hoá hệ thống phân phối của Công ty



NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Quản trị là nền tảng của sự vận hành liên tục, hiệu quả của doanh nghiệp. Tại VISSAN, ban lãnh đạo luôn tập trung hoàn thiện, nâng cao mô hình, năng lực quản trị theo các chuẩn mực quốc tế.

CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

GDP của Việt Nam năm 2021 tăng 2,58% so với năm trước do dịch Covid - 19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Tác động của dịch Covid -19, dẫn đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN.

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến đang xảy ra. Đồng thời, Công ty luôn nâng cấp hệ thống sản xuất, tăng cường nghiên cứu sản phẩm mới chủ động đáp ứng nhu cầu của thị trường.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một Công ty đại chúng quy mô lớn, VISSAN còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh khung pháp lý chung, VISSAN còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong quy trình giết mổ và chế biến thực phẩm.

Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Ban Pháp chế tại Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật kịp thời dự báo vào giúp Công ty hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật.



RỦI RO CẠNH TRANH

Từ khi Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế: WTO, ASEAN, APEC,... ngày càng nhiều tập đoàn toàn cầu gia nhập vào ngành thực phẩm. Với ưu thế về quy mô, công nghệ, tiềm lực tài chính dồi dào, cùng với những ưu đãi về thuế quan, các rào cản thương mại bị xóa bỏ khi hội nhập... các doanh nghiệp nước ngoài tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có và nguồn nhân công giá rẻ để đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất tại Việt Nam. Điều này khiến cho các doanh nghiệp trong nước sẽ đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng sản phẩm, giá cả, thương hiệu... với các doanh nghiệp nước ngoài chính trên “sân nhà” và VISSAN cũng không ngoại lệ.

Do đó, các chiến lược, chương trình khuyến mãi, marketing luôn được Công ty chú trọng nhằm đảm bảo thị phần và nâng cao khả năng cạnh tranh. Công ty còn triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý bán hàng để hoạt động thanh toán diễn ra nhanh chóng, gia tăng sự hài lòng cho khách hàng. Đồng thời, VISSAN không ngừng đầu tư, nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện máy móc sản xuất để cho ra đời các sản phẩm chất lượng phù hợp với người tiêu dùng.



RỦI RO TỶ GIÁ

Do đặc thù phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu từ nước ngoài nên hoạt động sản xuất kinh doanh của VISSAN chịu tác động không nhỏ của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là tỷ giá VND/USD. Ngoài ra, VISSAN cũng xuất khẩu các sản phẩm chế biến sang thị trường Bắc Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore,... Do đó, tỷ giá cũng có ảnh hưởng trong những quyết định mua bán của Công ty. Với biến động khó lường trong bối cảnh hiện nay, các quốc gia liên tục đưa ra các chính sách tiền tệ mới nhằm khôi phục lại nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 khiến cho việc dự báo về biến động tỷ giá trở nên khó khăn hơn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên theo dõi các biến động thị trường, lập kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đã làm việc với đối tác nước ngoài, tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá.



RỦI RO KHÁC

Những rủi ro như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh cũng là một trong những rủi ro gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty. Những rủi ro bất khả kháng này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty.

Để giảm thiểu các thiệt hại khi rủi ro bất khả kháng xảy ra, Công ty đã có những phương án dự phòng như: lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, lên các phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ...



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu là một vấn đề thời sự và đang có sức tác động mạnh mẽ hơn so với dự báo. Các loại chất thải được thải ra trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của Công ty, đặc biệt là chất thải trong chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nếu công ty không đảm bảo các quy định trong việc xử lý chất thải, gây ô nhiễm môi trường sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh và kết quả kinh doanh của Công ty.

VISSAN đã và đang rất quan tâm đến vấn đề môi trường, luôn chấp hành và tuân thủ tốt các quy trình, quy chuẩn của pháp luật về bảo vệ môi trường. Các chất thải được lưu giữ và xử lý theo quy trình khép kín, đạt chuẩn yêu cầu, đồng thời ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

• Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	38
• Tổ chức và nhân sự	40
• Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	52
• Tình hình tài chính	54
• Cơ cấu cổ đông	58
• Báo cáo phát triển bền vững	60

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI CÙNG KỲ

DVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Năm 2021/ Năm2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.143.547	4.292.765	-16,5%
2	Giá vốn hàng bán	4.137.758	3.297.004	-20,3%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.005.789	995.761	-1,0%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	204.926	185.943	-9,3%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	165.150	148.047	-10,4%

Tiếp nối những biến động từ năm 2020, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua một năm 2021 với nhiều thách thức và khó khăn. Tình hình dịch bệnh Covid-19 chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, thiên tai xuất hiện với tần suất và mức độ ngày càng nghiêm trọng,.... Doanh thu thuần đạt 4.293 tỷ đồng giảm 16,5% so với năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 148 tỷ đồng giảm 10,4% so với năm 2020. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc giảm lợi nhuận là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khi các địa phương phải thực hiện biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế di chuyển, nhu cầu tiêu thụ các loại thực phẩm tươi sống giảm dẫn đến sản lượng bán ra không đạt kỳ vọng. Dịch bệnh tả heo châu Phi (ASF) cơ bản được khống chế nhưng tốc độ tái đàn chậm, giá thức ăn chăn nuôi tăng cao đã làm cho giá heo hơi vẫn giữ ở mức cao. Người dân cắt giảm tiêu dùng hoặc sử dụng sản phẩm thay thế đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng bán ra của Công ty.

Doanh thu thuần đạt
4.293 tỷ đồng
giảm 16,5% so với năm 2020

Lợi nhuận sau thuế đạt
148 tỷ đồng
giảm 10,4% so với năm 2020

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% TH 2021/ KH 2021
Tổng doanh thu	4.326.667	5.100.000	84,8%
Lợi nhuận trước thuế	185.943	180.000	103,3%

So với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2021, tổng doanh thu năm 2021 đạt 4.326,7 tỷ đồng, thực hiện được 84,8% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 185,9 tỷ đồng, hoàn thành 103,3% kế hoạch. Mặc dù, tổng doanh thu không đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận sau thuế ghi nhận được kết quả ấn tượng là do sự nỗ lực của Ban lãnh đạo trong công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ các chi phí.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch	CN: 0 CP ĐD: 16.800.157 CP	CN: 0% ĐD: 20,76%
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT	CN: 8.600 CP ĐD: 12.946.288 CP	CN: 0,0106% ĐD: 16%
3	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT	CN: 0 CP ĐD: 0 CP	CN: 0% ĐD: 0%
4	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	CN: 0 CP ĐD: 8.091.430 CP	CN: 0% ĐD: 10%
5	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên	CN: 0 CP ĐD: 8.091.430 CP	CN: 0% ĐD: 10%
II	BAN KIỂM SOÁT			
1	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng Ban	CN: 0 CP ĐD: 4.854.858 CP	CN: 0% ĐD: 6%
2	Ông Tô Quốc Thái	Kiểm soát viên	CN: 0 CP ĐD: 4.045.715 CP	CN: 0% ĐD: 5%
3	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên	CN: 0 CP ĐD: 0 CP	CN: 0% ĐD: 0%
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 8.600 CP ĐD:12.946.288 CP	CN: 0,0106% ĐD: 16 %
2	Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc	CN: 0 CP ĐD: 0 CP	CN: 0% ĐD: 0 %
3	Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	CN: 400 CP ĐD: 0 CP	CN: 0,0005% ĐD: 0 %
4	Ông Lê Minh Tuấn	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	CN: 0 CP ĐD: 8.091.430 CP	CN: 0% ĐD: 10%
5	Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc	CN: 4.200 CP ĐD: 0 CP	CN: 0,0052% ĐD: 0 %
6	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	CN: 200 CP ĐD: 0 CP	CN: 0,0002% ĐD: 0 %



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN PHÚC KHOA
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế;
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh;
- Kỹ sư Cơ khí;
- Kỹ sư Máy tính.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc SATRA

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 16.800.157 CP, chiếm 20,76% VDL

Quá trình công tác:

03/2011 - 02/2013	Phó Giám đốc Kinh doanh SATRA
03/2013 - 03/2016	Giám đốc Kinh doanh SATRA
04/2016 – 04/2021	Phó Tổng Giám đốc SATRA
05/2016 – Nay	Chủ tịch HĐQT VISSAN



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN NGỌC AN
Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA);
- Kỹ sư Cơ khí;
- Cử nhân Anh Văn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 8.600 cổ phiếu, chiếm 0,0106% VDL
- ĐD: 12.946.288 CP, chiếm 16% VDL

Quá trình công tác:

11/2006 – 04/2016
Phó Tổng Giám đốc VISSAN

05/2016 – 03/2017
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc VISSAN

04/2017 – Nay
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc VISSAN



PHẠM TRUNG LÂM
Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

05/2016 - Nay
Phó Chủ tịch HĐQT, VISSAN



LÊ MINH TUẤN
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật, Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.091.430 CP, chiếm 10% VDL

Quá trình công tác:

02/2013 - 02/2018
Phó Giám đốc Kế hoạch Đầu tư, Tổng công ty SATRA

02/2018 - 06/2020
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

06/2020 - Nay
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc VISSAN



TRƯƠNG VĨNH TÙNG
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế đối ngoại

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.091.430 CP, chiếm 10% VDL

Quá trình công tác:

12/2015 - 09/2016
Phó Tổng giám đốc, Công ty TNHH MTV TM Bì Sà Gòn

09/2016 - 08/2018
Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV TM Bì Sà Gòn

08/2018 - 08/2020
Thành viên HĐQT, Công ty TNHH MTV TM Bì Sà Gòn

08/2020 - 04/2021
Phó TGD, Tổng công ty TM Sà Gòn TNHH MTV (Satra)

04/2021 - Nay
Thành viên HĐQT, VISSAN



BAN ĐIỀU HÀNH



NGUYỄN NGỌC AN
Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐĂNG PHÚ
Phó Tổng Giám đốc



LÊ MINH TUẤN
Phó Tổng Giám đốc



PHAN VĂN DŨNG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA);
- Kỹ sư Cơ khí;
- Cử nhân Anh Văn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 8.600 cổ phiếu, chiếm 0,0106% VDL
- ĐD: 12.946.288 CP, chiếm 16% VDL

Quá trình công tác:

11/2006 – 04/2016
Phó Tổng Giám đốc VISSAN

05/2016 – 03/2017
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc VISSAN

04/2017 – Nay
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc VISSAN

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

09/2008 – 07/2016
Phó Giám đốc, Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền

07/2016 – Nay
Phó Tổng Giám đốc VISSAN

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật, Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 8.091.430 CP, chiếm 10% VDL

Quá trình công tác:

02/2013 - 02/2018
Phó Giám đốc Kế hoạch Đầu tư, Tổng công ty SATRA

02/2018 - 06/2020
Phó Tổng Giám đốc, VISSAN

06/2020 - Nay
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc VISSAN

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 400 cổ phiếu, chiếm 0,0005% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

11/2009 – 09/2012
Trưởng phòng Thị trường, VISSAN

10/2012 - 12/2017
Trưởng phòng kinh doanh thực phẩm chế biến, VISSAN

01/2018 – Nay
Phó Tổng Giám đốc VISSAN



DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT



TRƯƠNG HẢI HÙNG
Phó Tổng Giám đốc



ĐỖ THỊ THU THỦY
Kế toán trưởng



TRƯƠNG VIỆT TIÊN
Trưởng Ban Kiểm soát



TÔ QUỐC THÁI
Thành viên Ban Kiểm soát



PHẠM THỊ THANH TÂM
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Công nghệ Hoá thực phẩm

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 4.200 cổ phiếu, chiếm 0,0052%
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

04/2005 – 03/2011

Phó quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm VISSAN

04/2011 - 12/2019

Quản đốc Xưởng Chế biến thực phẩm VISSAN

01/2020 - Nay

Phó Tổng Giám đốc VISSAN

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- CN: 200 cổ phiếu, chiếm 0,0002%
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

08/2013 - 09/2020

Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán VISSAN

10/2020 - Nay

Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính- Kế toán VISSAN

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán doanh nghiệp,
- Cử nhân Tin học kế toán

Số cổ phần nắm giữ :

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 4.854.858 CP, chiếm 6% VDL

Quá trình công tác:

04/2019 - Nay

Trưởng Ban Kiểm soát, VISSAN

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng.
- Cử nhân Luật kinh tế.

Số cổ phần nắm giữ:

- CN: 0 CP, chiếm 0% VDL
- ĐD: 4.045.715 CP, chiếm 5% VDL

Quá trình công tác:

04/2019 - Nay

Thành viên Ban Kiểm soát, VISSAN

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán, kiểm toán

Số cổ phần nắm giữ:

- CN: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- ĐD: 0 CP, chiếm 0% VDL

Quá trình công tác:

04/2018 - Nay

Thành viên Ban Kiểm soát, VISSAN

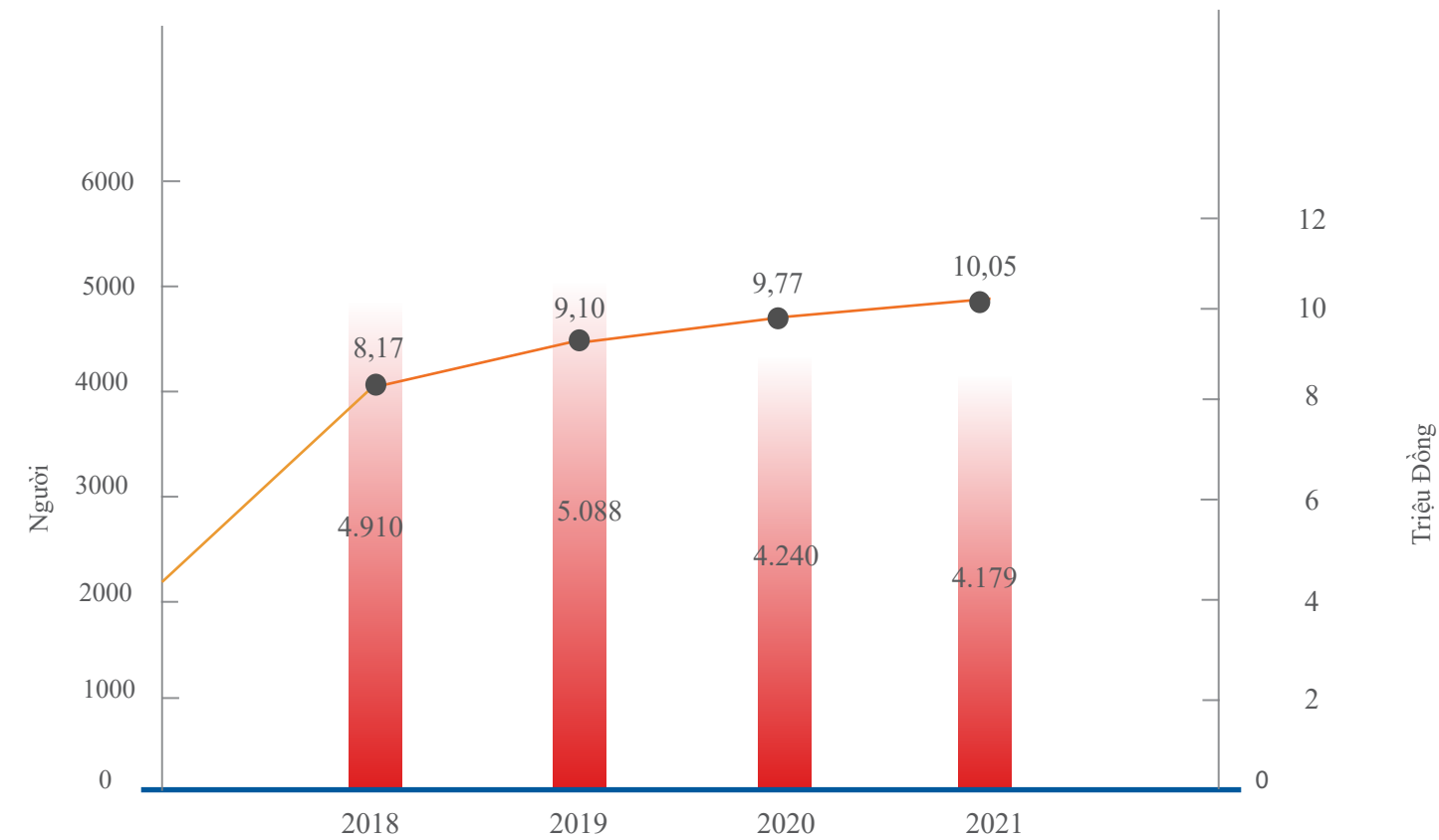
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	4.179	100%
1	Đại học và Trên đại học	663	15,87%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	562	13,45%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	1.761	42,14%
4	Lao động phổ thông	1.193	28,55%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	4.179	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	378	9,05%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	218	5,22%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	3.583	85,74%
C	Theo giới tính	4.179	100%
1	Nam	2.281	54,58%
2	Nữ	1.898	45,42%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	4.910	5.088	4.240	4.179
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,17	9,10	9,77	10,05

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



VỀ ĐÀO TẠO

Tổ chức triển khai các chương trình đào tạo bắt buộc theo quy định, đào tạo nâng cao tay nghề, phổ biến các nội dung pháp luật về lao động, thương mại, an toàn thực phẩm, an toàn lao động trong đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động, công nhân tại các khâu trọng yếu, công nhân tuyển dụng chuẩn bị cho di dời nhà máy tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An.như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá.



VỀ TUYỂN DỤNG

Tập trung đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất kinh doanh, Công ty rất chú trọng đến công tác tuyển dụng. Các chính sách tuyển dụng lao động đều được lên kế hoạch rõ ràng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm, bằng cấp và kỹ năng phù hợp cho từng vị nhằm nâng cao chất lượng sản xuất, tăng hiệu suất lao động.



MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC



VISSAN xây dựng môi trường làm việc thân thiện và bình đẳng, góp phần tạo ra lực đẩy gia tăng năng suất. Công ty cung cấp cơ sở vật chất khang trang, giúp cán bộ nhân viên có được không gian làm việc thoải mái, tiện nghi để phát huy tối đa khả năng sáng tạo, từ đó nâng cao hiệu suất lao động, góp phần thúc đẩy Công ty phát triển.

Người lao động trong công ty đều được mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và bảo hiểm sức khỏe (được thanh toán toàn bộ chi phí khi điều trị). Thực hiện việc huấn luyện về ATLĐ tại công ty theo định kỳ; kiểm tra việc chấp hành ATLĐ - VSLĐ. Cấp phát trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho tất cả Người lao động khi làm việc tại các đơn vị trực tiếp sản xuất.



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Bên cạnh việc chi trả tiền lương, tiền thưởng công ty còn chi trả thêm các khoản phụ cấp cho người lao động như: hỗ trợ bữa ăn giữa ca, tiền xăng xe, điện thoại, quà tặng sinh nhật - hiếu hỷ - ma chay, các chuyến du lịch hằng năm, chương trình teambuilding, khám sức khỏe định kỳ. Người lao động còn được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp thu hút theo quy định của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 và đặc biệt, do thủ tục phức tạp nên thời gian xem xét quyết định đầu tư kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư. Trong điều kiện cho phép, Công ty VISSAN đã chủ động triển khai các thủ tục đầu tư với tiến độ tính đến thời điểm hiện tại như sau:

Về Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm Vissan

Đối với công trình “Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm VISSAN” tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An:

- Đang hoàn thiện hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán toàn bộ Công trình; hồ sơ Thiết kế công nghệ và dự toán Dây chuyền giết mổ heo công suất 360 con/1 giờ.
- Tiến hành thuê Trung tâm phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Long An thực hiện dịch vụ trích đo địa chính khu đất dự án và lập hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất để điều chỉnh ranh giới, mốc giới lô đất dự án đúng theo hiện trạng.
- Hoàn thành thi công xây dựng hạng mục “Tường rào bao quanh khu đất và cổng tạm công trình”. Công ty đang phối hợp với đơn vị liên quan và nhà thầu xây dựng thực hiện thủ tục trình phê duyệt hồ sơ dự toán phần phát sinh và ký kết phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị hợp đồng.
- Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Long An đã thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hiện nay, Công ty đang phối hợp hoàn chỉnh bản vẽ Thiết kế nội bổ sung theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.
- Đã ban hành quyết định hủy thầu đối với gói thầu “Tư vấn kiểm toán” và gói thầu “Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật” theo chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty.

Đối với công trình văn phòng điều hành kinh doanh của Công ty và các kho trung chuyển tại khu công nghiệp Tân Tạo: Công ty đang thực hiện xin chủ trương tách Công trình khỏi Dự án ban đầu, thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mới.



Về các dự án đầu tư phát triển khác

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển thuộc Kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và một số dự án phát sinh nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh mang tính cấp bách với tổng giá trị giải ngân trong năm 2021 trên 27 tỷ đồng.
- Tập trung xúc tiến thủ tục đầu tư một số dự án quan trọng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như: Dây chuyền đóng gói thịt mát VISSAN; Lập dự án trại heo mới Bình Dương,



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (KHÔNG CÓ)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	2.142.958	2.287.687	6,8%
2	Doanh thu thuần	5.143.547	4.292.765	-16,5%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	205.433	180.985	-11,9%
4	Lợi nhuận khác	(508)	4.958	1.176,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	204.926	185.943	-9,3%
6	Lợi nhuận sau thuế	165.150	148.047	-10,4%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.118	1.006	-10,0%



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,70	1,76
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,00	1,15
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,47	46,89
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	90,38	88,28
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,25	5,10
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,51	1,94
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,21	3,45
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,05	12,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,06	6,68
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,99	4,22

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh năm 2021 lần lượt ở mức 1,76 và 1,15 không có nhiều biến động qua các năm, cho thấy Công ty luôn đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số nợ/ Tổng tài sản và Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu lần lượt là 46,89% và 88,28%. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của VISSAN năm 2021 tương đương năm 2020. Công ty VISSAN đang kiểm soát cơ cấu Nợ thấp hơn Vốn chủ sở hữu nhằm duy trì cấu trúc tài chính ổn định, hạn chế rủi ro tài chính.



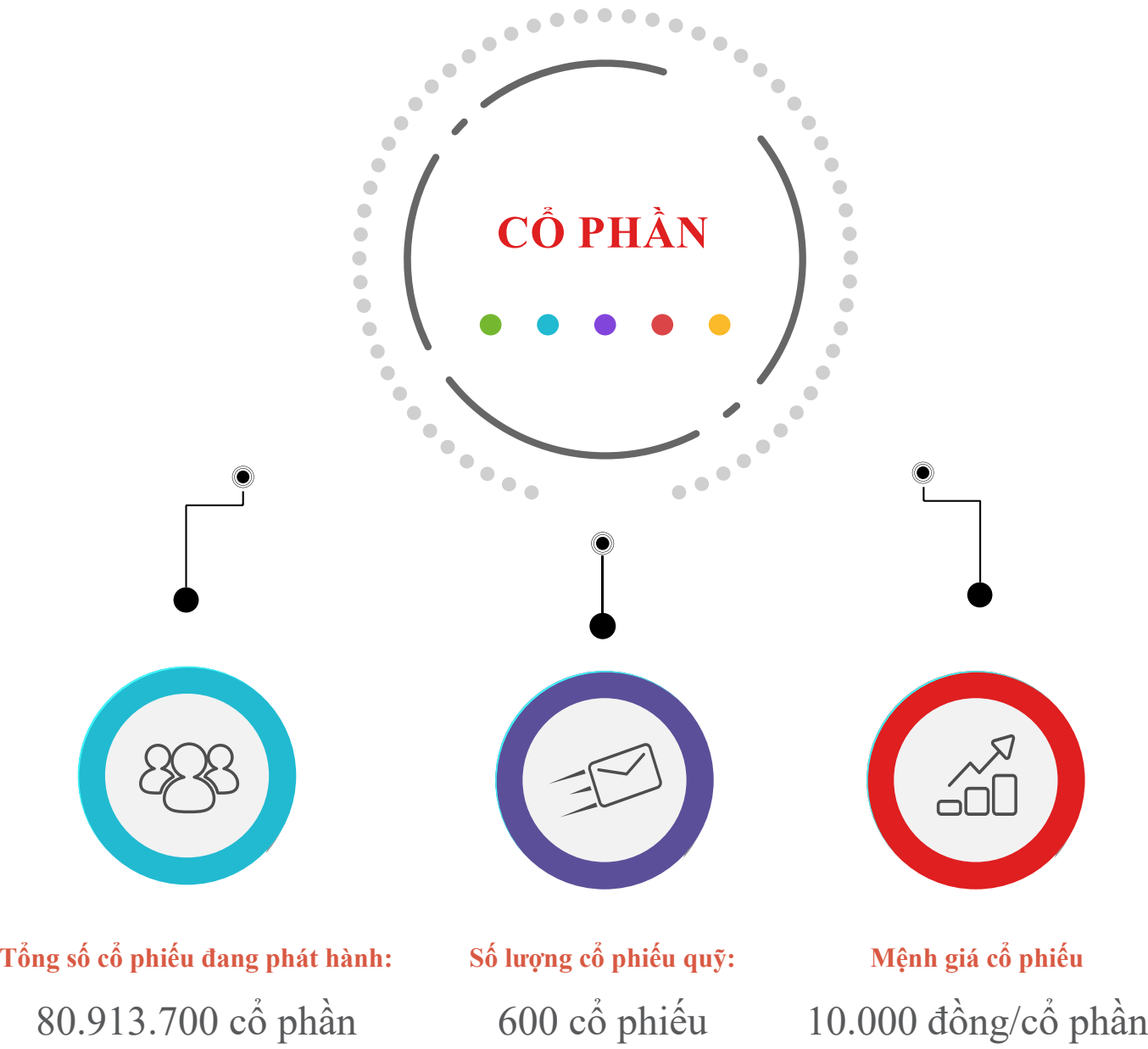
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2021, VISSAN tiếp tục ghi nhận vòng quay hàng tồn kho đạt 5,09 vòng/năm. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 2,51 vòng/năm trong năm 2020 còn 1,94 vòng/năm trong năm 2021. Trong năm 2021 diễn biến phức tạp của dịch Covid-10 dẫn đến sức mua của người tiêu dùng giảm và dịch ASF dẫn đến nguồn cung Heo hơi đầu vào thiếu hụt đã khiến cho hàng hóa bán ra thị trường chậm hơn so với các năm trước. Bên cạnh đó, công ty đã chủ động điều tiết nâng cao số dư Tiền và các khoản tương đương tiền nhằm tăng cường khả năng thanh khoản phục vụ sản xuất kinh doanh và ứng phó tốt hơn với tình hình trên, nên dẫn đến Tổng tài sản có tốc độ tăng cao hơn so với tốc độ tăng của Doanh thu thuần.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trên doanh thu năm 2021 tốt hơn so với năm trước chủ yếu do giá nguyên liệu chính đầu vào, cụ thể là giá heo hơi bình quân trong năm thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020, kết hợp với những nỗ lực của công ty trong việc quản lý, tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trên Tổng tài sản và trên Vốn chủ sở hữu năm 2021 thấp hơn so với năm 2020 chủ yếu do kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19 và dịch ASF; nhưng vẫn duy trì số dư Tiền ở mức cao nhằm ứng phó với các biến động đã nêu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu quỹ	1	600	0,001%
II	Cổ đông trong nước	1.067	77.457.680	95,728%
1	Cá nhân	1.057	2.372.450	2,932%
2	Tổ chức	10	75.085.230	92,796%
III	Cổ đông nước ngoài	19	3.456.020	4,271%
1	Cá nhân	13	30.120	0,037%
2	Tổ chức	6	3.425.900	4,234%
Tổng cộng (I+II+III)		1.087	80.914.300	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Tổ chức		75.009.904	92,703%
1	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV (SATRA)	54.829.878	67,763%
2	Công ty Cổ phần Masan Meatlife	20.180.026	24,940%
Cá nhân		0	0

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu với các hiện tượng như tăng nhiệt độ, tăng mực nước biển, tan băng, thay đổi các dòng hải lưu và các hiện tượng thời tiết cực đoan... đang từng ngày đe dọa đến sức khỏe con người.

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất chế biến, v.v... Công ty đã đầu tư lắp đặt các hệ thống xử lý mùi, bụi, khí thải và đang hoạt động ổn định, kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại thải ra môi trường, hạn chế tối đa mức độ ô nhiễm do quá trình hoạt động sản xuất. Đồng thời, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CB - CNV trong Công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

VISSAN chuyên sản xuất và kinh doanh thực phẩm, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty. Vì vậy, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ tiêu chuẩn định mức trong tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, chủ động tìm kiếm nguyên liệu và thương lượng giá nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và duy trì được mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp có uy tín để hạn chế được rủi ro nguồn hàng và giá khi có biến động lớn xảy ra đối với nguyên vật liệu. Song song đó, Công ty cũng ký các hợp đồng kỳ hạn có thời gian nhất định và tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá hợp lý nhưng vẫn đảm bảo chất lượng. Lên kế hoạch sản xuất để dự tính mức hàng tồn kho phù hợp. Tồn kho vật tư được theo dõi chặt chẽ, xây dựng biện pháp quản lý tồn kho hiệu quả, giảm chi phí tồn kho, hao hụt vật tư.



TIÊU THỤ NƯỚC

Thế giới hiện đang phải đối mặt với tình trạng thiếu nước ngọt nghiêm trọng. Theo dự đoán đến năm 2025, 64% dân số thế giới sẽ phải sống trong điều kiện căng thẳng về nguồn nước. Trong khi đó, ngành chăn nuôi, sản xuất thực phẩm đang có nhu cầu sử dụng nước rất lớn. Hiểu rõ tầm quan trọng của nước, VISSAN luôn tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm nước và đưa ra sáng kiến sử dụng nước an toàn và hiệu quả. Công ty đã áp dụng hệ thống xử lý nước thải với công suất 990 m³/ngày trước khi thải ra sông môi trường, đồng thời tái sử dụng được một lượng lớn m³ nước trong năm.

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng năm 2021: 371.000 m³.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngay từ khi thành lập, VISSAN luôn xác định “con người là chìa khóa của thành công”, là yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trong năm 2021, số lượng nhân viên của VISSAN là 4.179 người, thu nhập bình quân đạt 10,05 triệu đồng/tháng/người. Công ty luôn coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực của mình. Tạo cơ hội cho CB-CNV thăng tiến trong công việc; đồng thời, đề cao sự công bằng trong môi trường làm việc, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Các nhân viên nữ được tạo điều kiện làm việc, phát triển năng lực và thăng chức như nam giới. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi luôn được VISSAN quan tâm cải thiện nhằm bảo đảm cho CB-CNV có đời sống vật chất ổn định, ngày càng cải thiện. Các chương trình đào tạo của Công ty trong năm hầu hết bị hoãn lại do ảnh hưởng dịch Covid-19 nhưng Công ty đã kịp triển khai các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng cao trình độ cho trên 427 lượt lao động với tổng kinh phí trên 230 triệu đồng. Bên cạnh công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, Công ty đã tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí học Đại học, Cao học cho 11 lượt người với tổng kinh phí gần 160 triệu đồng. Từ đó giúp CB - CNV an tâm công tác, cống hiến hết mình vì sự phát triển của Công ty.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2021, các đơn vị trực thuộc Công ty không vi phạm các quy định, luật pháp về môi trường và tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường trong năm là 0 đồng.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hiệp lực cùng những nỗ lực không ngừng của Chính phủ, chia sẻ những thách thức của cộng đồng, VISSAN với trách nhiệm của một công ty thực phẩm hàng đầu, luôn tiên phong đi đầu trong việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội. Tính đến nay, VISSAN là một trong những doanh nghiệp đầu tiên và tích cực tham gia Chương trình Bình ổn giá thị trường do UBND TP.HCM. Bên cạnh đó trong năm 2021, khi tình hình dịch bệnh diễn biến vô cùng phức tạp, Công ty cũng tích cực thực hiện công tác đóng góp, ủng hộ các chương trình xã hội từ thiện khác với tổng số tiền trên 250 triệu đồng nhằm thể hiện trách nhiệm xã hội, góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu Công ty.

Với những gì đã đạt được trong những năm qua, VISSAN luôn cố gắng gìn giữ và tiếp tục phát triển, thực hiện những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 68
- Tình hình tài chính 70
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức , chính sách, quản lý 72
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 75



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

- Các chỉ thị giãn cách xã hội nhằm phòng dịch Covid-19 khiến nhu cầu tích trữ thực phẩm trong dân tăng cao. Tận dụng nhu cầu mua sắm của người dân, Công ty thực hiện mở rộng thị trường trên nhiều kênh bán hàng như mở website bán hàng trực tuyến, liên kết với các sàn thương mại điện tử,... đã giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- VISSAN đã triển khai kênh bán hàng online, thông qua kênh bán hàng có thể thực hiện thao tác mua hàng đơn giản ngay tại nhà sẽ mang đến nhiều cơ hội cho VISSAN tiếp cận rộng rãi hơn đến người tiêu dùng.



KHÓ KHĂN

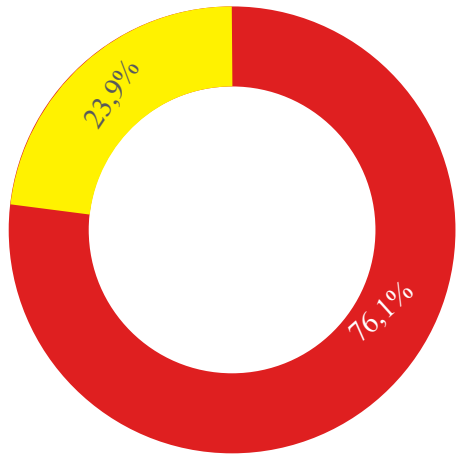
- Đây là một năm đầy thách thức với Công ty khi nhu về thịt tươi sống giảm do dịch Covid-19 bùng phát buộc các nhà hàng, khách sạn, xí nghiệp, các cửa hàng, siêu thị phải đóng cửa hoặc hạn chế hoạt động trong thời gian dài. Giá nông sản tăng khiến cho Công ty gặp khó khăn khi phải nhập nguyên liệu đầu vào với giá cao hơn để duy trì hoạt động các trang trại.
- Bên cạnh những khó khăn do dịch Covid-19 gây ra thì dịch tả lợn châu Phi (ASF) diễn biến phức tạp và lan rộng cũng đã ảnh hưởng đến quy mô đàn heo khiến cho giá thịt biến động điều này cũng góp phần làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

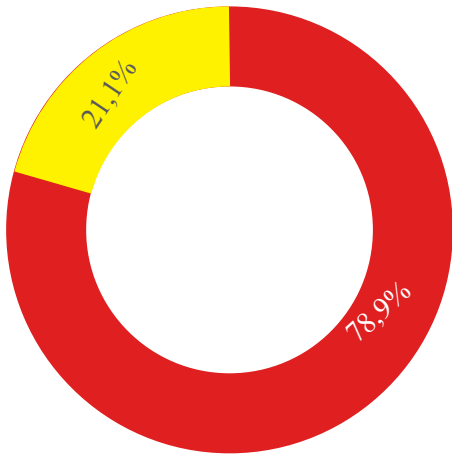
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	1.631.722	1.804.960	10,6%	76,1%	78,9%
Tài sản dài hạn	511.236	482.727	-5,6%	23,9%	21,1%
Tổng tài sản	2.142.958	2.287.687	6,8%	100%	100%



Năm 2020



Năm 2021

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn

Tổng tài sản của VISSAN trong năm 2021 tăng nhẹ từ 2.143 tỷ đồng lên 2.287,7 tỷ đồng, tương đương tăng 10,6% so với năm 2020. Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao giúp doanh nghiệp dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt khi cần thiết. Các khoản phải thu trong kỳ phần lớn là giao dịch ngắn hạn với các đối tác uy tín nên có rủi ro thấp.

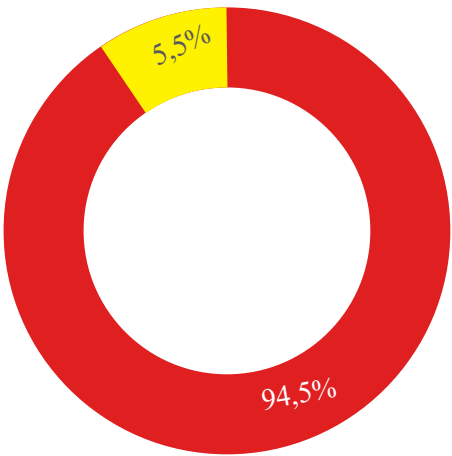
Tài sản dài hạn không thay đổi đáng kể so với năm 2020. Tính đến cuối năm 2021, tài sản dài hạn của Công ty đạt 482,7 tỷ đồng, giảm 5,6% so với năm 2020. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục tài sản cố định chiếm 87,3% tổng tài sản dài hạn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

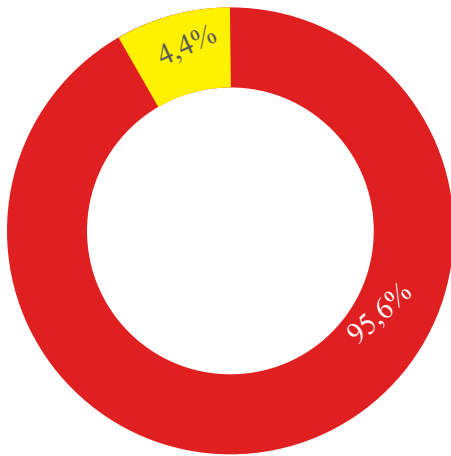
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/ 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	961.223	1.025.339	6,7%	94,5%	95,6%
Nợ dài hạn	58.089	47.304	-15,7%	5,5%	4,4%
Tổng nợ phải trả	1.017.312	1.072.643	5,4%	100%	100%



Năm 2020



Năm 2021

- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn

Tính đến 31/12/2021, Nợ ngắn hạn của Công ty đạt 1.025,3 tỷ đồng tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng nợ ngắn hạn của công ty chiếm 95,6% trong tổng nợ, Công ty tăng các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

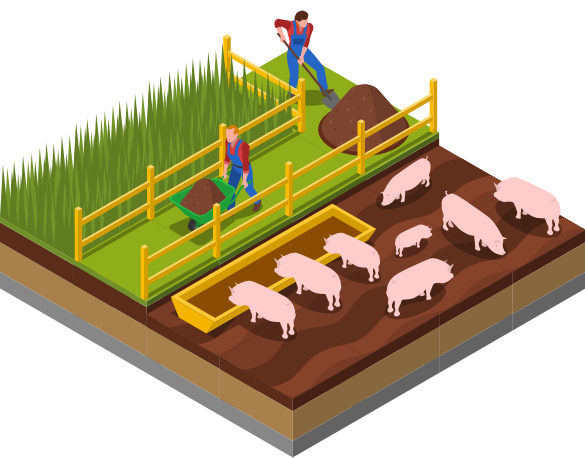
TIÊU CHUẨN TRONG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

- » **Quản lý:** Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.
- » **Môi trường:** Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
- » **Chăn nuôi:** Chứng nhận VietGap
- » **Giết mổ:**
 - Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm giết mổ gia súc (heo, bò).
 - Chứng nhận Escas (tiêu chuẩn của chính phủ Úc giết mổ bò nhân đạo và đảm bảo an toàn thực phẩm)
- » **Sản xuất chế biến:**
 - Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất chế biến các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau củ quả; chế biến hạt nêm.
 - Chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn trong thực phẩm HACCP CODEX 2003
 - Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000 : 2018.



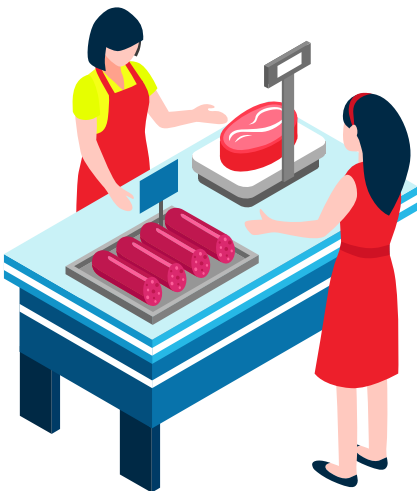
- » **Kiểm nghiệm:** Chứng nhận phòng thử nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- » **Kinh doanh:** Chứng nhận đủ điều kiện tham gia “Chuỗi thực phẩm an toàn” thịt heo, thịt bò (chăn nuôi, giết mổ, phân phối).

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG



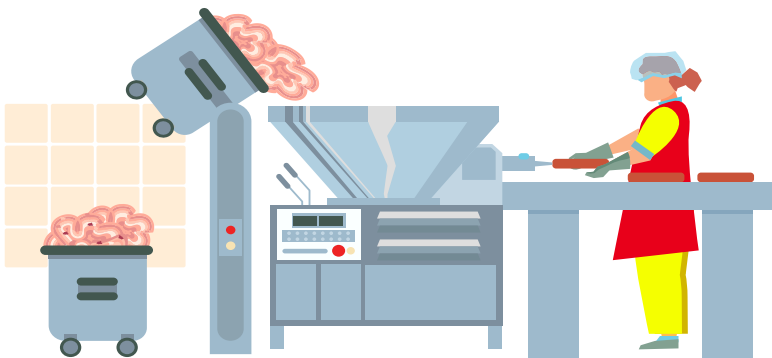
» Quy trình kiểm soát chất lượng quá trình sản xuất

Kiểm soát chất lượng bán thành phẩm trên dây chuyền bằng quy trình, hướng dẫn công việc trong quá trình sản xuất giúp tối ưu chi phí, hạn chế xử lý tái chế đảm bảo chất lượng trong suốt quá trình. Thu thập, phân loại lỗi sản phẩm bằng biên bản sản phẩm không phù hợp, xác định nguyên nhân đưa ra hướng xử lý, lập kế hoạch khắc phục phòng ngừa kịp thời.



» Quy trình kiểm soát chất lượng đầu vào

Đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. Kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào, lựa chọn những vật liệu đầu vào đạt tiêu chuẩn: theo lô bằng các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh, hóa sinh theo tiêu chuẩn cơ sở, quy cách hàng hóa và hợp đồng. Định kỳ kiểm soát hàng lưu kho đối chiếu với tiêu chuẩn. Khi các nguyên liệu đưa vào quá trình sản xuất đều được kiểm tra chất lượng đầu vào lần nữa, kiểm soát cách sử dụng những nguyên vật liệu này theo quy trình sản xuất đã quy định để đảm bảo chất lượng. Giải quyết những vấn đề phát sinh với các nhà cung cấp bằng biên bản và hợp đồng, đánh giá chất lượng, năng lực các nhà cung ứng sản phẩm định kỳ.



» Quy trình kiểm soát chất lượng đầu ra

Công nhân kiểm tra sản phẩm 100% trước khi đóng gói dựa vào tiêu chuẩn cơ sở. Căn cứ tiêu chuẩn cơ sở, bộ phận quản lý chất lượng đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi nhập kho chờ xuất bán, lấy mẫu kiểm tra theo lô các chỉ tiêu cảm quan, vi sinh, hóa sinh,... Tại các điểm bán, có đội ngũ quản lý chất lượng kiểm tra điều kiện trưng bày và phân phối sản phẩm. Có Ban Giải quyết khiếu nại chăm sóc khách hàng và giải quyết nhanh chóng những yêu cầu cũng như khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm, từ đó đề xuất cải tiến sản phẩm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ (TT)

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Bước sang năm 2022, các yếu tố vĩ mô về dịch bệnh Covid-19, điều chỉnh lãi suất của các nước lớn, xung đột vũ trang Nga – Ukraine, giá xăng dầu tăng cao gây áp lực lên lạm phát... sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

Dịch Covid 19 chưa được kiểm soát hoàn toàn và tiếp tục diễn biến phức tạp. Mặc dù, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh của nước ta tiếp tục được nâng lên nhưng sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân sẽ tiếp tục giảm sút qua đó tác động đến tâm lý người tiêu dùng sẽ thất chặt chi tiêu trong thời gian tới.

Dịch bệnh trên đàn heo, đặc biệt là dịch tả heo châu Phi (ASF) tiếp tục có những diễn biến phức tạp, bùng phát ở một số địa phương có tổng đàn lớn, mật độ chăn nuôi cao dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong dài hạn. Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh do nhiều nguyên nhân khác nhau sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của Công ty.

Đứng trước những thách thức vào khó khăn đó, toàn thể CB - CNV phấn đấu ở mức cao nhất để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2022 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh kiểm soát, giảm chi phí; sắp xếp tối ưu hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- Ổn định nguồn nguyên liệu trong sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, củng cố hoạt động bán hàng, tăng sản lượng ở cả ngành hàng thực phẩm tươi sống và thực phẩm chế biến.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc ngành hàng thực phẩm tươi sống.
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động như: Công tác thị trường; phát triển sản phẩm mới; công tác quản trị nhân sự, đào tạo; ...
- Đẩy mạnh thực hiện các thủ tục đầu tư “Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm Vissan” và các dự án đầu tư phát triển phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (TT)

Năm 2022, Toàn thể CB – CNV VISSAN phấn đấu ở mức cao nhất nhằm đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% So Cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	4.326.667	5.000.000	115,6%
2	Mặt hàng bán ra chủ yếu	Tấn	39.194	46.448	118,5%
2.1	Thịt heo các loại	Tấn	14.639	17.475	119,4%
2.2	Thịt bò	Tấn	729	973	133,5%
2.3	Thực phẩm chế biến	Tấn	23.826	28.000	117,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	185.943	170.000	91,4%



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2022

Dự kiến trong năm 2022, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:
Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm VISSAN:



Đối với công trình “Cụm công nghiệp chế biến thực phẩm VISSAN” tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An:

- Thực hiện các thủ tục pháp lý và hồ sơ kỹ thuật cho toàn bộ hạng mục công trình (lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ Dự án điều chỉnh; lập, thẩm tra, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; lập thủ tục xin phép xây dựng);
- Tiến hành lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng các gói thầu tư vấn, xây dựng; khởi công xây dựng và tổ chức thi công xây dựng;
- Đẩy nhanh tiến độ, thực hiện đôn đốc, kiểm tra các đơn vị Tư vấn, nhà thầu nhằm rút ngắn thời gian thực hiện và đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu theo quy định;

Đối với công trình văn phòng điều hành kinh doanh của Công ty và các kho trung chuyển tại Khu công nghiệp Tân Tạo:

- Tiếp tục phối hợp, hoàn tất việc nhận bàn giao khu đất, đảm bảo ranh mốc, diện tích pháp lý quy định trong hợp đồng;
- Sau khi được chấp thuận chủ trương tách công trình khỏi Dự án ban đầu, thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mới thì sẽ tiếp tục triển khai thực hiện các giai đoạn tiếp theo.





4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động Công ty 80
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động Ban TGD 82
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT 83

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

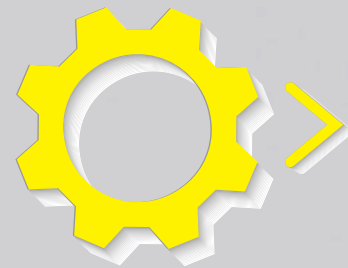
NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp, Công ty đã chủ động thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm không để đứt gãy chuỗi sản xuất, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, vượt qua nhiều khó khăn, cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Kết quả thực hiện năm 2021 ở một số chỉ tiêu quan trọng hoàn thành vượt kế hoạch đề ra như: Lợi nhuận trước thuế 185,9 tỷ đồng đạt 103,3%; Thu nhập người lao động bình quân đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng đạt 115% so với kế hoạch.



Làm tốt công tác tuyên truyền để người lao động chấp hành và thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, đồng thuận tích cực hưởng ứng tham gia 3 tại chỗ, nỗ lực khắc phục khó khăn duy trì giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần cung ứng đảm bảo thực phẩm tươi sống phục vụ người dân thành phố.

Thực hiện tốt công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại bộ máy, bố trí cán bộ; quan tâm và triển khai tốt việc rà soát xây dựng quy chế, quy định nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.



NHỮNG MẶT HẠN CHẾ



Một số chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2021 như: doanh thu, sản lượng chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân là do tác động ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, kết hợp cùng với việc làm, thu nhập của người dân bị giảm, giá nguyên phụ liệu, chi phí tăng cao đã ảnh hưởng đến sản lượng bán ra và doanh thu.

Việc triển khai Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm VISSAN, một số dự án đầu tư phát triển phục vụ sản xuất kinh doanh và Chương trình phát triển vùng nguyên liệu heo thịt tuy đạt được nhiều kết quả nhất định nhưng còn chậm tiến độ thời gian so với kế hoạch đề ra bởi tác động của dịch Covid-19 và còn một số thủ tục pháp lý chưa hoàn chỉnh.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TGD

- Hiện có 02/05 thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, cụ thể:
- Tổng Giám đốc đã chủ động phân công và giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài vai trò điều hành chung, Tổng Giám đốc đã xây dựng cơ chế làm việc tập thể tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong Ban điều hành phát huy được hết chuyên môn, năng lực, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đóng góp vào việc nâng cao năng suất công việc; điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.
 - Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.
 - Nhìn chung, tập thể Ban điều hành Công ty đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển nguồn nguyên liệu heo hơi theo hướng Feed – Farm – Food, hướng đến đáp ứng 20-30% nhu cầu của Công ty trong dài hạn;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, an toàn và có truy xuất nguồn gốc nhằm đa dạng hóa sản phẩm; giữ vững uy tín và vị thế của nhà cung cấp thực phẩm hàng đầu hiện nay;
- Rà soát đề ra mô hình mới cho hoạt động kinh doanh ở chợ truyền thống nhằm tăng tính cạnh tranh, phục vụ tốt hơn cho người tiêu dùng. Đẩy mạnh công tác bán hàng online thông qua liên kết với các sàn thương mại điện tử, website Vissanmart.com...;

- Đầu tư trang, thiết bị nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Tăng cường chiến lược sử dụng thịt mát cho ngành thực phẩm tươi sống phù hợp xu hướng tiêu dùng hiện đại;
- Tập trung công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp đối với đội ngũ quản lý tại Công ty. Thúc đẩy các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin cho việc quản trị Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thi công các hạng mục thuộc dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan nhằm hoàn thành đúng tiến độ đề ra, nhanh chóng đưa nhà máy sớm đi vào hoạt động.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị 86
- Ban kiểm soát 92
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 94 của HĐQT, BKS và BGĐ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi nhiệm
1	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên	18/06/2020	28/04/2021
2	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên	28/04/2021	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT (KHÔNG CÓ)



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch	17/17	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch	17/17	100%	
3	Ông Phạm Trung Lâm	Thành viên	17/17	100%	
4	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	17/17	100%	
5	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên	7/17	41%	Bãi nhiệm ngày 28/04/2021
6	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên	10/17	59%	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT:			
1.	238/NQHĐQT-VISSAN	15/01/2021	Chấp nhận tổ chức bán đấu giá thanh lý lô 06 xe ô tô
2.	239/NQHĐQT-VISSAN	15/01/2021	Phê duyệt điều chỉnh các chi phí: thuế trước bạ, phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước thuộc dự án mua sắm xe ô tô
3.	521/NQHĐQT-VISSAN	6/02/2021	Phê duyệt kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
4.	728/NQHĐQT-VISSAN	5/03/2021	Chấp thuận chủ trương đăng ký tham gia chương trình bình ổn thị trường mặt hàng thịt heo năm 2021 và Tết Nhâm Dần năm 2022.
5.	945/NQHĐQT - VISSAN	1/03/2021	Thông qua việc xử lý xóa nợ đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán
6.	1078/NQHĐQT-VISSAN	30/03/2021	Chấp thuận cho Công ty VISSAN nhận trước phần diện tích đất trống thực tế theo tọa độ ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Itaco.



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
7.	2112/NQHĐQT-VISSAN	26/04/2021	Để có cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT thông qua các nội dung sau: (1) Thống nhất kết quả số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; (2) Thông qua trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm kế hoạch và mức tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021; (3) Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021; (4) Thống nhất mức lương đối với Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty năm 2021; (5) Thống nhất với đề xuất của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn Công ty TNHH PvvC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; (6) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; (7) Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; (8) Thống nhất thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; (9) Thống nhất thông qua các nội dung liên quan đến công tác nhân sự Hội đồng quản trị.
			Chấp thuận cho Công ty vay vốn tín dụng ngắn hạn tại các ngân hàng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
9.	2534/NQHĐQT-VISSAN	24/07/2021	Phê duyệt ngưng triển khai đầu tư dự án ERP tại Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
10.	2977/NQHĐQT-VISSAN	05/10/2021	Chấp thuận chuyển đổi cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng thành cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng đối với cổ đông là người lao động đã thực hiện đủ thời gian cam kết làm việc tại Công ty.
11.	2983/NQHĐQT-VISSAN	06/10/2021	Phê duyệt loại bỏ 2 gói thầu; chấm dứt, thanh lý các hợp đồng đã ký với các nhà thầu thực hiện Gói thầu số 21 và Gói thầu số 22.
12.	3041/NQHĐQT-VISSAN	06/10/2021	Thông qua các nội dung sau: (1) Căn cứ tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục có giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, phấn đấu nỗ lực tối đa hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao. (2) Thống nhất kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người quản lý Công ty năm 2020.
13.	3260/NQHĐQT-VISSAN	28/01/2021	Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị.
14.	3382/NQHĐQT-VISSAN	09/11/2021	Phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao, lao động bình quân năm 2020 và phương án lao động, tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021.
15.	3845/NQHĐQT-VISSAN	06/12/2021	Phê duyệt điều chỉnh Quy chế quản lý nợ của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
16.	3870/NQHĐQT-VISSAN	10/12/2021	Thông qua các nội dung sau: (1) Chấp thuận chủ trương phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty được quyết định các dự án đầu tư phát triển có tổng mức đầu tư đến 05 tỷ đồng. (2) Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc điều chỉnh phân cấp cho Tổng Giám đốc.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
17.	4086/NQHĐQT-VISSAN	29/12/2021	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.
II. Quyết định HĐQT			
1.	946/QĐHĐQT-VISSAN	08/02/2021	Về việc thành lập Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
2.	1489/QĐHĐQT-VISSAN	28/04/2021	Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3.	1490/QĐHĐQT-VISSAN	28/04/2021	Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
4.	4087/QĐHĐQT-VISSAN	29/12/2021	Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (Không có).
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: (Không có)

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM 2021

Trong năm qua Ban Kiểm soát không có sự thay đổi nào về thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

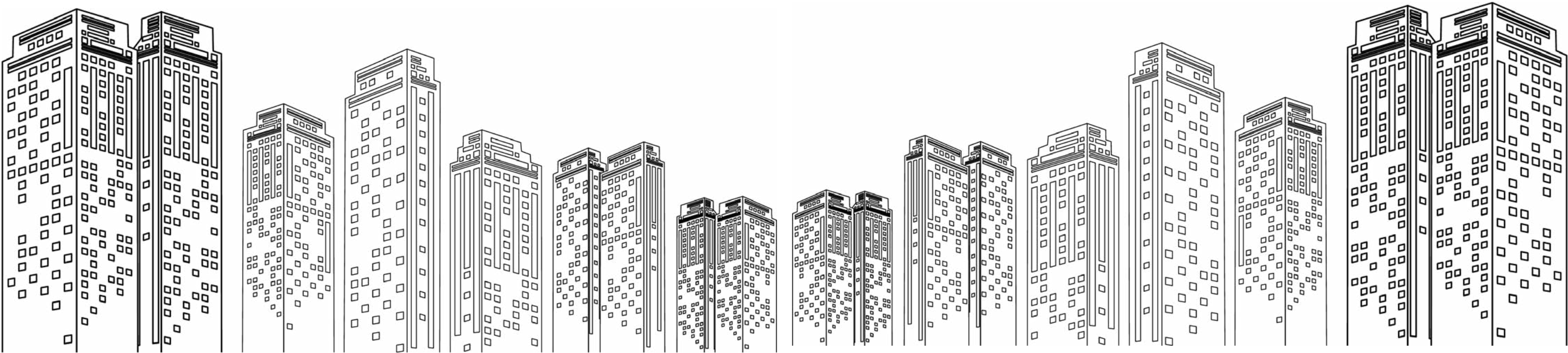
Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra các ý kiến đối với chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát chủ động thông báo, trao đổi và thống nhất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc Công ty tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

Ban Kiểm soát cũng nhận được các văn bản trong quá trình chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng ban	2/2	100%	
2	Ông Tô Quốc Thái	Kiểm soát viên	2/2	100%	
3	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên	2/2	100%	



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
1	Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch HĐQT	71,74%	19.84%	8,42%	
2	Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch HĐQT, TGD	77,28%	11,75%	10,97%	
3	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó TGD	78,45%	10,95%	10,60%	
4	Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên HĐQT	0%	100%	0%	
5	Ông Phạm Công Tuấn Hạ	Thành viên HĐQT	0%	66,99%	33,01%	
6	Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên HĐQT	54,85%	24,31%	20,84%	
7	Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó TGD	93,59%		6,41%	
8	Ông Trương Hải Hưng	Phó TGD	93,56%		6,44%	
9	Ông Phan Văn Dũng	Phó TGD	90,68%		9,32%	
10	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	97,57%		2,43%	
11	Ông Trương Việt Tiến	Trưởng BKS	92,77%		7,23%	
12	Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	0%	79,41%	20,59%	
13	Ông Tô Quốc Thái	Thành viên BKS	0%	79,41%	20,59%	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU NGƯỜI NỘI BỘ							
STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Tổ chức là người liên quan của ông Phạm Trung Lâm – người nội bộ của Công ty Vissan	20.180.026	24,94%	0	0%	Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Masan MeatLife
2	Công ty Cổ phần Masan MeatLife	Tổ chức là người liên quan của ông Phạm Trung Lâm – người nội bộ của Công ty Vissan	0	0%	20.180.026	24,94%	Nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ (TT)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1.	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037, cấp ngày 25/11/2010 tại TP.HCM	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Bán hàng hoá: 84.488.510 VND	
2.	Công ty Quản lý và kinh doanh Chợ Bình Điền	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP.HCM	Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	Bán hàng hoá: 258.803.095 VND - Sử dụng dịch vụ: 112.596.598 VND	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH một thành viên - Kho lạnh Satra	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-024, cấp ngày 14/03/2013 tại TP.HCM	Lô 3, Khu thương mại Bình Điền, đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, P.7, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Mua hàng hoá: 11.427.925.040 VND - Sử dụng dịch vụ: 8.064.570.538 VND	
4.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên Trung tâm Điều hành cửa hàng tiện lợi Satra	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-009, cấp ngày 26/07/2006 tại TP.HCM	Đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu phố 6, phường 7, Quận 8, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Bán hàng hóa: 198.095.889.348 VND - Sử dụng dịch vụ: 621.487.228 VND	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ (TT)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
5.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên Siêu thị Satra, đường Phạm Hùng	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-024, cấp ngày 14/03/2013 tại TP.HCM	C6/27 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Bán hàng hóa: 10.707.214.080 VND - Sử dụng dịch vụ: 47.215.638 VND	
6.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Siêu thị Sài Gòn	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-004,cấp ngày 05/12/2006 tại TP. HCM	460 đường Ba Tháng Hai, phường 12, quận 10, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Mua hàng hóa: 7.716.071VND - Bán hàng hóa: 19.894.802.485 VND - Sử dụng dịch vụ: 100.012.320 VND	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
7.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận 3	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-024, cấp ngày 14/03/2013 tại TP.HCM	C6/27 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Mua hàng hóa: 109.335.394 VND	
8.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Trung tâm phân phối Satra	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-023, cấp ngày: 09/10/2012 tại TP. HCM	204-206 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Mua hàng hoá: 694.678.625 VND - Sử dụng dịch vụ: 59.000.000 VND	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGĐ (TT)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên – Thương xá Tax	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037.003, cấp ngày: 05/12/2006 tại TP. HCM	38 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Mua hàng hoá: 18.000.000 VND - Bán hàng hoá: 161.527.296 VND - Sử dụng dịch vụ: 3.737.388 VND	
10.	Công ty Phát triển kinh tế Duyên Hải (CO-FIDEC)	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-021, cấp ngày 16/01/2012 tại TP. HCM	Lô C34/I, đường 2G, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Bán hàng hoá: 225.803.599 VND	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
11.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên -Trung tâm thương mại Satra Củ Chi	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-027, cấp ngày 31/07/2018 tại TP.HCM	1239 Tỉnh Lộ 8, ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, TP.HCM	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Bán hàng hoá: 3.768.619.187 VND - Sử dụng dịch vụ: 25.080.588 VND	
12.	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên -Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	Tổ chức là người liên quan của người nội bộ	0300100037-026, cấp ngày 26/12/2016 tại Cần Thơ	90B/3, đường 3 tháng 2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Năm 2021	Nghị quyết số 03/NQHĐQT – CTY của HĐQT ngày 13/02/2017	- Mua hàng hoá: 291.967.630 VND - Bán hàng hoá: 4.180.879.688 VND - Sử dụng dịch vụ: 13.510.354 VND	

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Bảng cân đối kế toán 110
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 112
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 113
- Thuyết minh báo cáo tài chính 114

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp Số 0300105356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 7 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 40 ngày 20 tháng 4 năm 2018

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phúc Khoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Giàu	Thành viên
	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Trương Vĩnh Tùng	Thành viên
	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Ông Trương Việt Tiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Thành viên
Ông Tô Quốc Thái	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Ngọc An	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trụ sở chính

420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (“CÔNG TY”)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 17 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11594
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Trương Phước Lộc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4173-2022-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.804.960.157.931	1.631.721.600.242
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	857.898.770.269	607.270.519.210
111	Tiền		49.198.770.269	82.370.519.210
112	Các khoản tương đương tiền		808.700.000.000	524.900.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		70.000.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	70.000.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		246.310.974.510	348.668.510.219
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	167.500.647.338	257.033.059.964
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.804.378.787	10.457.033.055
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	74.391.270.497	81.583.384.432
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.385.322.112)	(404.967.232)
140	Hàng tồn kho	7	624.783.242.010	668.255.260.171
141	Hàng tồn kho		625.747.090.469	671.432.566.720
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(963.848.459)	(3.177.306.549)
150	Tài sản ngắn hạn khác		5.967.171.142	7.527.310.642
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	4.860.024.447	7.215.585.180
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		941.948.526	265.276.262
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	165.198.169	46.449.200
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		482.726.665.150	511.236.456.329
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.197.675.000	1.216.675.000
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	1.197.675.000	1.216.675.000
220	Tài sản cố định		421.295.571.554	437.192.211.727
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	188.181.459.609	196.422.631.626
222	Nguyên giá		499.841.631.610	483.335.710.851
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(311.660.172.001)	(286.913.079.225)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	233.114.111.945	240.769.580.101
228	Nguyên giá		300.428.991.661	296.627.946.623
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(67.314.879.716)	(55.858.366.522)
240	Tài sản dở dang dài hạn		16.722.923.969	17.838.984.918
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	16.722.923.969	17.838.984.918
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	4.328.606.400
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.328.606.400
260	Tài sản dài hạn khác		43.510.494.627	50.659.978.284
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	12.712.655.041	25.732.876.563
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	30.797.839.586	24.927.101.721
270	TỔNG TÀI SẢN		2.287.686.823.081	2.142.958.056.571

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.072.642.864.849	1.017.311.870.875
310	Nợ ngắn hạn		1.025.338.731.363	961.223.221.573
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	350.599.213.224	283.522.304.661
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		28.181.994.061	59.884.204.307
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	17.733.597.772	22.849.201.908
314	Phải trả người lao động		126.260.204.054	92.960.465.243
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	110.631.423.931	72.190.680.833
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	20.790.784.394	31.130.228.213
320	Vay ngắn hạn	15(a)	282.714.026.351	342.773.372.578
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	88.427.487.576	55.912.763.830
330	Nợ dài hạn		47.304.133.486	56.088.649.302
338	Vay dài hạn	15(b)	22.119.498.486	28.681.676.927
342	Dự phòng phải trả dài hạn	17	25.184.635.000	27.406.972.375
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.215.043.958.232	1.125.646.185.696
410	Vốn chủ sở hữu		1.215.043.958.232	1.125.646.185.696
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	809.143.000.000	809.143.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		809.143.000.000	809.143.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	20	(22.200.000)	(22.200.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	120.065.780.609	95.293.269.597
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	285.857.377.623	221.232.116.099
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		137.810.788.424	72.082.042.688
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		148.046.589.199	149.150.073.411
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.287.686.823.081	2.142.958.056.571

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểuĐỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.315.550.757.547	5.180.910.080.056
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.785.182.828)	(37.362.690.448)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.292.765.574.719	5.143.547.389.608
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(3.297.004.282.384)	(4.137.758.347.704)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	995.761.292.335	1.005.789.041.904
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28.768.681.771	20.064.202.610
22	Chi phí tài chính	(23.193.340.976)	(25.807.149.649)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(11.332.381.440)	(13.560.716.976)
25	Chi phí bán hàng	(619.471.079.092)	(642.421.169.461)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(200.880.943.219)	(152.191.558.398)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	180.984.610.819	205.433.367.006
31	Thu nhập khác	5.133.149.332	4.926.890.534
32	Chi phí khác	(175.231.909)	(5.434.547.291)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	4.957.917.423	(507.656.757)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.942.528.242	204.925.710.249
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(43.766.676.908)	(38.048.982.906)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	5.870.737.865	(1.726.653.932)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	148.046.589.199	165.150.073.411
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.006	1.118

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Đỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		2020 VND
		2021 VND		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.456.829.130.002	5.331.428.318.498	
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(3.188.628.514.316)	(4.237.653.722.887)	
03	Tiền chi trả cho người lao động	(473.409.189.281)	(529.726.214.489)	
04	Tiền lãi vay đã trả	(11.487.758.022)	(13.501.996.446)	
05	Thuế TNDN đã nộp	(40.821.083.900)	(54.772.821.003)	
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	12.801.394.051	13.012.933.454	
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(373.519.169.457)	(405.745.499.275)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	381.764.809.077	103.040.997.852	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác	(26.005.155.537)	(39.326.843.458)	
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.017.748.985	631.004.736	
23	Tiền chi gửi ngân hàng	(70.000.000.000)	(20.200.000.000)	
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng	-	20.200.000.000	
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.893.903.519	1.629.706.760	
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	23.516.453.379	17.562.791.855	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(64.577.049.654)	(19.503.340.107)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.047.757.160.042	1.742.446.933.359	
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.114.378.684.710)	(1.591.970.748.179)	
36	Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(850.000)	(40.443.450.000)	
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(66.622.374.668)	110.032.735.180	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	250.565.384.755	193.570.392.925	
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	607.270.519.210	413.688.606.161
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		62.866.304	11.520.124
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	857.898.770.269	607.270.519.210

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Đỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (trước đây là Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản) ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào ngày 20 tháng 11 năm 1970 và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 18 tháng 5 năm 1974.

Ngày 1 tháng 7 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300105356, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 20 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 809.143.000.000 đồng. Công ty mẹ là Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 11 tháng 10 năm 2016 với mã giao dịch là VSN theo Quyết định số 630/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

Hoạt động chính của Công ty là bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, trứng vịt;
- Sản xuất kinh doanh heo giống, bò giống, bò thịt;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Kinh doanh đồ uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở); và
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty bao gồm Công ty và 9 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh 1 - Trung tâm kinh doanh thực phẩm Vissan
- Chi nhánh 2 - Chi nhánh Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 3 - Chi nhánh Vissan Hà Nội
- Chi nhánh 4 - Nhà máy chế biến thực phẩm Vissan - Bắc Ninh
- Chi nhánh 5 - Chi nhánh Vissan Đà Nẵng
- Chi nhánh 6 - Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm
- Chi nhánh 7 - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Dương
- Chi nhánh 8 - Xí nghiệp chăn nuôi Vissan Bình Thuận
- Chi nhánh 9 - Trung tâm kinh doanh chuỗi cửa hàng Vissan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 4.351 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.240 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định là giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán và theo dõi hàng tồn kho.

Dự phòng hàng tồn kho được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 30 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Súc vật cho sản phẩm	4 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.15 Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty, do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát theo mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Công ty.

2.19 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ đơn vị đầu tư.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan. Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 9);
- Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 13);
- Dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 17); và
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 18).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	4.804.486.600	3.658.404.800
Tiền gửi ngân hàng	44.349.631.895	78.666.907.793
Tiền đang chuyển	44.651.774	45.206.617
Các khoản tương đương tiền (*)	808.700.000.000	524.900.000.000
	<u>857.898.770.269</u>	<u>607.270.519.210</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 đến 3 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4%/năm.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>70.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất được hưởng từ 5,4%/năm đến 5,5%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	58.635.421.000	81.454.300.732
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	17.255.488.684	42.773.802.818
Khác	77.324.418.178	104.531.662.833
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	14.285.319.476	28.273.293.581
	<u>167.500.647.338</u>	<u>257.033.059.964</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào trọng yếu đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	63.183.645.983	72.233.439.480
Phải thu nhân viên	3.044.850.085	3.100.409.773
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	5.174.859.175	2.448.450.684
Tiền cọc thực hiện hợp đồng	493.500.000	1.112.300.000
Các khoản khác	2.494.415.254	2.688.784.495
	<u>74.391.270.497</u>	<u>81.583.384.432</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào trọng yếu đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Tiền cọc thực hiện hợp đồng	<u>1.197.675.000</u>	<u>1.216.675.000</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	360.522.802.199	(963.848.459)	452.038.179.048	(3.177.306.549)
Nguyên vật liệu	151.496.144.413	-	134.293.833.267	-
Công cụ, dụng cụ	86.853.689.806	-	68.268.702.741	-
Hàng hóa	12.641.624.814	-	9.848.247.493	-
Hàng gửi bán	688.178.813	-	213.354.764	-
Chi phí SXKD dở dang	4.819.203.050	-	4.036.781.002	-
Hàng mua đang đi trên đường	8.725.447.374	-	2.733.468.405	-
	<u>625.747.090.469</u>	<u>(963.848.459)</u>	<u>671.432.566.720</u>	<u>(3.177.306.549)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.177.306.549	2.102.702.571
(Hoàn nhập)/dự phòng	(2.177.627.387)	1.134.676.978
Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập	(35.830.703)	(60.073.000)
Số dư cuối năm	<u>963.848.459</u>	<u>3.177.306.549</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.494.105.575	2.845.015.876
Chi phí thuê hoạt động	392.511.001	442.133.223
Khác	2.973.407.871	3.928.436.081
	<u>4.860.024.447</u>	<u>7.215.585.180</u>

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.803.661.319	4.841.699.995
Chi phí thuê hoạt động	1.420.941.033	1.470.269.640
Khác	8.488.052.689	19.420.906.928
	<u>12.712.655.041</u>	<u>25.732.876.563</u>

9 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	121.270.753.921	262.475.275.555	69.011.825.604	29.987.860.391	589.995.380	483.335.710.851
Mua trong năm	-	8.238.902.850	2.712.014.364	2.258.211.909	-	13.209.129.123
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.468.361.949	-	1.425.181.818	-	10.893.543.767
Thanh lý, nhượng bán	-	(834.482.806)	(4.727.857.143)	(761.201.082)	(589.995.380)	(6.913.536.411)
Tăng khác	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000
Giảm khác	(222.400.000)	(82.301.165)	(38.655.455)	(389.859.100)	-	(733.215.720)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	121.048.353.921	279.265.756.383	66.957.327.370	32.570.193.936	-	499.841.631.610
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	42.209.968.420	171.703.803.342	53.245.613.187	19.163.698.896	589.995.380	286.913.079.225
Khấu hao trong năm	5.508.766.060	18.727.499.383	3.542.669.863	4.313.617.143	-	32.092.552.449
Thanh lý, nhượng bán	-	(791.820.915)	(4.727.857.143)	(761.201.082)	(589.995.380)	(6.870.874.520)
Tăng khác	-	-	-	8.240.741	-	8.240.741
Giảm khác	(10.665.629)	(82.301.165)	-	(389.859.100)	-	(482.825.894)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	47.708.068.851	189.557.180.645	52.060.425.907	22.334.496.598	-	311.660.172.001
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	79.060.785.501	90.771.472.213	15.766.212.417	10.824.161.495	-	196.422.631.626
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	73.340.285.070	89.708.575.738	14.896.901.463	10.235.697.338	-	188.181.459.609

9 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 56.713 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 56.758 triệu đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 15).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 163.646 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 146.729 triệu đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	284.281.023.885	12.346.922.738	296.627.946.623
Chuyển từ XDCB dở dang	-	763.600.000	763.600.000
Mua trong năm	-	378.000.000	378.000.000
Tăng khác	2.709.445.038	-	2.709.445.038
Giảm khác	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	286.990.468.923	13.438.522.738	300.428.991.661
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	47.848.409.328	8.009.957.194	55.858.366.522
Khấu hao trong năm	8.230.900.177	2.181.581.222	10.412.481.399
Tăng khác	1.052.272.536	-	1.052.272.536
Giảm khác	-	(8.240.741)	(8.240.741)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	57.131.582.041	10.183.297.675	67.314.879.716
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	236.432.614.557	4.336.965.544	240.769.580.101
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	229.858.886.882	3.255.225.063	233.114.111.945

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.231 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: là 1.756 triệu đồng).

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2021 VND	2020 VND
Dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan	14.518.276.600	14.480.576.600
Hệ thống xử lý nước thải	1.883.583.637	1.883.583.637
Khác	321.063.732	1.474.824.681
	<u>16.722.923.969</u>	<u>17.838.984.918</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021		2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH TM và XNK Nhất Lâm	54.881.591.401	54.881.591.401	32.737.731.783	32.737.731.783
Khác	284.396.647.081	284.396.647.081	248.780.820.264	248.780.820.264
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	11.320.974.742	11.320.974.742	2.003.752.614	2.003.752.614
	<u>350.599.213.224</u>	<u>350.599.213.224</u>	<u>283.522.304.661</u>	<u>283.522.304.661</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09 – DN

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Tính hình biến động trong năm của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số nợ thừa/ phải nộp trong năm VND	Số được hoàn/ đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	4.176.560	123.636.696	(55.837.177)	71.976.079
Thuế xuất nhập khẩu	42.272.640	50.949.450	-	93.222.090
	<u>46.449.200</u>	<u>174.586.146</u>	<u>(55.837.177)</u>	<u>165.198.169</u>
b) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.648.004.942	142.581.935.904	(149.456.941.428)	10.772.999.418
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.302.314.306	(13.302.314.306)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	848.280.413	(848.280.413)	-
Thuế TNDN	2.669.821.482	43.766.676.908	(40.821.083.900)	5.615.414.490
Thuế thu nhập cá nhân	659.434.844	852.083.022	(1.100.035.685)	411.482.181
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	320.106.673	5.620.371.286	(5.006.776.276)	933.701.683
Thuế đất phi nông nghiệp	-	18.023.789	(18.023.789)	-
Thuế nhà thầu	-	153.701.222	(153.701.222)	-
Lệ phí môn bài	-	97.000.000	(97.000.000)	-
Khác	1.551.833.967	3.980.540	(1.555.814.507)	-
	<u>22.849.201.908</u>	<u>207.244.367.390</u>	<u>(212.359.971.526)</u>	<u>17.733.597.772</u>

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Thuê mặt bằng	95.943.728.741	53.066.444.165
Trung tâm phát triển quỹ đất (*)	95.589.128.741	52.893.644.165
Khác	354.600.000	172.800.000
Hỗ trợ bán hàng	11.743.252.004	16.932.582.405
Chi phí lãi vay	388.368.292	543.744.874
Khác	2.556.074.894	1.647.909.389
	110.631.423.931	72.190.680.833

(*) Theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hồi cơ sở nhà, đất tại địa chỉ 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH MTV quản lý và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) tiếp nhận, quản lý kể từ ngày của Quyết định này. Đồng thời, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tiếp tục ký kết hợp đồng thuê với Công ty tại vị trí nêu trên. Tuy nhiên, các bên đang trong quá trình thực hiện các thủ tục bàn giao và thỏa thuận đơn giá thuê đất mới.

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Chiết khấu bán hàng	9.706.972.840	19.826.797.824
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.576.937.720	2.256.290.794
Chi phí vận chuyển	1.470.230.415	962.791.204
Khác	6.496.381.918	7.543.236.890
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	507.841.501	507.841.501
Cổ tức phải trả	32.420.000	33.270.000
	20.790.784.394	31.130.228.213

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN

15 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tặng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn phải trả VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	220.114.018.601	715.444.903.553	(735.479.685.460)	-	200.079.236.694
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)	-	69.943.575.402	-	-	69.943.575.402
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	108.395.785.400	255.061.374.367	(363.457.159.767)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	14.263.568.577	-	(14.935.885.618)	13.363.531.296	12.691.214.255
	342.773.372.578	1.040.449.853.322	(1.113.872.730.845)	13.363.531.296	282.714.026.351

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 7 TP HCM

Đây là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng cho vay số 0618/2021-HĐCVHM/NHCT924-VISSAN ngày 29 tháng 6 năm 2021 và có thời hạn vay cho mỗi lần giải ngân không quá 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp và chịu lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam

Đây là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/232021/HĐTD/VISSAN ngày 20 tháng 10 năm 2021 và có thời hạn vay cho mỗi lần giải ngân không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp và chịu lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào quá hạn thanh toán. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có khả năng hoàn trả đầy đủ các khoản vay khi đến hạn.

15 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn phải trả VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	18.797.344.427	6.801.352.855	(10.068.753.796)	15.529.943.486
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	9.884.332.500	-	(3.294.777.500)	6.589.555.000
	28.681.676.927	6.801.352.855	(13.363.531.296)	22.119.498.486

(i) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM

Đây là khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0020/KHDN2/17DH ngày 27 tháng 2 năm 2017, 0035/1828/C-TL ngày 28 tháng 3 năm 2018, 0015/2028/T-TL/01 ngày 2 tháng 3 năm 2020 và 0088/2028/T-TL/01 ngày 17 tháng 12 năm 2020 với lãi suất theo quy định trên hợp đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9(a)).

(ii) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 4

Đây là khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1902-LAV-201900274 ngày 28 tháng 6 năm 2019 với lãi suất theo quy định trên hợp đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là một số máy móc thiết bị của Công ty (Thuyết minh 9(a)).

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

Mẫu số B 09 – DN

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	55.912.763.830	22.927.301.754
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	58.678.679.563	51.934.837.537
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	16.000.000.000
Sử dụng quỹ	(26.163.955.817)	(34.949.375.461)
Số dư cuối năm	88.427.487.576	55.912.763.830

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	27.406.972.375	29.271.347.250
Tăng	315.413.162	1.060.865.832
Sử dụng trong năm	(2.537.750.537)	(2.925.240.707)
Số dư cuối năm	25.184.635.000	27.406.972.375

18 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản dự phòng	25.184.635.000	27.406.972.375
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ của các khoản chi phí phải trả	120.823.286.540	92.737.357.365
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	7.981.276.392	4.491.178.863
	<u>153.989.197.932</u>	<u>124.635.508.603</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>30.797.839.586</u>	<u>24.927.101.721</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021 Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>80.914.300</u>	<u>80.914.300</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	80.914.300	80.914.300
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(600)	(600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>80.913.700</u>	<u>80.913.700</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	54.829.878	67,76	54.829.878	67,76
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)	-	-	20.180.026	24,94
Công ty Cổ phần Masan Meatlife (*)	20.180.026	24,94	-	-
Các cổ đông khác	5.904.396	7,30	5.904.396	7,30
Cổ phiếu quỹ	(600)	-	(600)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>80.913.700</u>	<u>100</u>	<u>80.913.700</u>	<u>100</u>

(*) Theo báo cáo kết quả giao dịch số 559/BC/MML, Công ty Cổ phần Masan Meatlife đã mua lại toàn bộ cổ phần từ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO) vào ngày 7 tháng 12 năm 2021.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>80.913.700</u>	<u>809.120.800.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	809.143.000.000	68.579.559.022	(22.200.000)	191.149.296.100	1.068.849.655.122
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	165.150.073.411	165.150.073.411
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	26.713.710.575	-	(26.713.710.575)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(51.934.837.537)	(51.934.837.537)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2020 (Thuyết minh 16)	-	-	-	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(40.456.850.000)	(40.456.850.000)
Tăng khác	-	-	-	38.144.700	38.144.700
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	809.143.000.000	95.293.269.597	(22.200.000)	221.232.116.099	1.125.646.185.696
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	148.046.589.199	148.046.589.199
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	24.772.511.012	-	(24.772.511.012)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(58.678.679.563)	(58.678.679.563)
Tăng khác	-	-	-	29.862.900	29.862.900
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	809.143.000.000	120.065.780.609	(22.200.000)	285.857.377.623	1.215.043.958.232

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 28 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020 như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 24.772.511.012 đồng;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 73.922.679.563 đồng (đã tạm trích trong năm 2020: 16.000.000.000 đồng); và
- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý Công ty: 756.000.000 đồng.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09a – DN

21 CỎ TỨC

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	33.270.000	19.870.000
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	-	40.456.850.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(850.000)	(40.443.450.000)
Số dư cuối năm	32.420.000	33.270.000

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	2021	2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	148.046.589.199	165.150.073.411
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(66.664.118.762)	(74.678.679.563)
	81.382.470.437	90.471.393.848
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	80.913.700	80.913.700
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.006	1.118

(*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Người quản lý Công ty cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được ước tính với tỷ lệ 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2021 của người lao động, người quản lý và Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch. Kỳ 31 tháng 12 năm 2020 được tính với tỷ lệ 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2020 của người lao động, người quản lý và Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích thêm bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09a – DN

23 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	4.314.640.116.384	5.179.943.739.398
Doanh thu cung cấp dịch vụ	910.641.163	966.340.658
	<u>4.315.550.757.547</u>	<u>5.180.910.080.056</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(21.991.665.470)	(35.351.635.099)
Hàng bán bị trả lại	(793.517.358)	(2.011.055.349)
	<u>(22.785.182.828)</u>	<u>(37.362.690.448)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và thành phẩm	4.291.854.933.556	5.142.581.048.950
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	910.641.163	966.340.658
	<u>4.292.765.574.719</u>	<u>5.143.547.389.608</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	3.296.336.005.132	4.136.984.480.454
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	668.277.252	773.867.250
	<u>3.297.004.282.384</u>	<u>4.137.758.347.704</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.242.870.387	19.411.448.067
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	97.821.992	74.999.170
Lãi thuần từ bán các khoản đầu tư	2.389.032.725	577.755.373
Khác	38.956.667	-
	<u>28.768.681.771</u>	<u>20.064.202.610</u>

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN

Mẫu số B 09a – DN

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền vay	11.332.381.440	13.560.716.976
Chiết khấu thanh toán	11.247.958.137	11.665.592.554
Khác	613.001.399	580.840.119
	<u>23.193.340.976</u>	<u>25.807.149.649</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	273.982.972.163	308.912.355.906
Chi phí hỗ trợ bán hàng	94.295.448.462	107.371.055.462
Chi phí vận chuyển	64.820.738.076	66.915.221.204
Chi phí thuê kho, mặt bằng	31.884.245.391	34.938.915.382
Chi phí vật liệu, bao bì	32.304.790.011	28.503.620.569
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.728.985.046	12.416.275.094
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.457.924.837	5.945.190.757
Khác	104.995.975.106	77.418.535.087
	<u>619.471.079.092</u>	<u>642.421.169.461</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	80.228.687.889	79.328.771.558
Chi phí thuê mặt bằng	30.609.185.612	(12.871.926.494)
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.952.424.869	15.026.634.176
Thuế, phí và lệ phí	7.378.061.565	7.487.455.409
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.788.844.879	4.085.833.562
Chi phí vật liệu quản lý	2.310.398.959	2.112.764.573
Khác	62.613.339.446	57.022.025.614
	<u>200.880.943.219</u>	<u>152.191.558.398</u>

29 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2020: 20%) như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	185.942.528.242	204.925.710.249
Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 20%	157.106.214.668	122.377.733.707
Lợi nhuận kế toán chịu thuế suất 15%	28.836.313.574	82.547.976.542
Thuế tính ở thuế suất 20%	31.421.242.935	24.475.546.740
Thuế tính ở thuế suất 15%	4.325.447.036	12.382.196.482
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.149.249.072	2.917.893.616
Chi phí không được trừ thuế suất 20%	2.145.619.174	2.916.993.616
Chi phí không được trừ thuế suất 15%	3.629.898	900.000
Chi phí thuế TNDN (*)	37.895.939.043	39.775.636.838
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	43.766.676.908	38.048.982.906
Thuế TNDN - hoãn lại	(5.870.737.865)	1.726.653.932
	37.895.939.043	39.775.636.838

(*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.243.549.621.747	3.243.000.469.534
Chi phí nhân viên	590.244.192.686	637.559.855.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.505.033.848	43.721.852.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.647.168.593	203.282.864.817
Chi phí khác	306.780.246.077	289.424.844.526
	3.426.726.262.951	4.416.989.886.197

31 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV do sở hữu 67,76% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	237.378.027.288	277.253.159.151
(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	21.487.498.018	32.651.192.265
(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Phúc Khoa	487.456.700	167.200.000
Ông Nguyễn Ngọc An	144.000.000	138.400.000
Ông Lê Minh Tuấn	121.658.000	40.336.000
Ông Huỳnh Quang Giàu	87.077.000	138.400.000
Ông Trần Ngọc Đăng	-	10.800.000
Ông Trương Vĩnh Tùng	56.923.000	-
Ông Phạm Công Tuấn Hạ	22.342.000	87.264.000
Tổng Giám đốc	947.000.000	972.700.000
Người quản lý khác	5.276.352.044	5.087.700.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Trung tâm điều hành Satrafoods	13.362.055.503	26.528.087.945
- Trung tâm Satra Phạm Hùng	280.899.776	557.193.465
- Siêu thị Satra Sài Gòn	221.641.482	450.191.447
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	221.292.676	412.338.060
- Trung tâm Thương mại Satra Củ Chi	183.980.319	273.424.154
- Công ty quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền	15.449.720	52.058.510
	14.285.319.476	28.273.293.581

31 THUYẾT MINH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
(ii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Tiền thuê mặt bằng	62.165.369.120	71.215.162.617
- Khác	1.018.276.863	1.018.276.863
	<u>63.183.645.983</u>	<u>72.233.439.480</u>
(iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Kho lạnh Satra	11.275.493.568	1.888.537.274
- Trung tâm điều hành bán lẻ Satra Cần Thơ	36.111.250	-
- Công ty quản lý và kinh doanh chợ Bình Điền	9.369.924	-
- Trung tâm phân phối	-	82.215.340
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV	-	33.000.000
	<u>11.320.974.742</u>	<u>2.003.752.614</u>
(iv) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 14)		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV		
- Tiền thuê mặt bằng	99.014.694	99.014.694
- Khác	408.826.807	408.826.807
	<u>507.841.501</u>	<u>507.841.501</u>

32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang mà Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	12.903.959.379	12.585.284.536
Từ 1 đến 5 năm	16.977.789.164	18.650.992.207
Trên 5 năm	3.964.812.412	1.182.615.688
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>33.846.560.955</u>	<u>32.418.892.431</u>

33 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	2021 VND	2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	1.553.493.245.700	1.553.568.645.700
Đã duyệt và ký hợp đồng nhưng chưa thực hiện	18.720.687.585	18.682.987.585
	<u>1.572.213.933.285</u>	<u>1.572.251.633.285</u>

Cam kết vốn cho dự án đã được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng chủ yếu liên quan tới dự án di dời nhà máy sản xuất và giết mổ Vissan.

34 THÔNG TIN KHÁC

Do tình hình hiện nay, virus chủng mới Corona ("Covid-19") đang gây ra một số biến động đối với nền kinh tế thế giới, do đó tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng do sự bất ổn của tình hình đại dịch Covid-19 tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá thận trọng các tác động tiềm tàng của Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh và kế hoạch quản trị của Công ty, cùng với việc nhanh chóng xem lại chiến lược kinh doanh của Công ty và làm việc với nhà cung cấp và khách hàng để giải quyết tình hình hiện nay. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đang tiếp tục đánh giá các ảnh hưởng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 17 tháng 3 năm 2022.


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Đỗ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc An
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Ngọc An